

BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết; phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

2. Về năng lực:

- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- + Năng lực đọc –hiểu các tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các tác phẩm tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Về phẩm chất: Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 1,2,3 - VĂN BẢN 1: XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC

(Trích: Số đỏ -Vũ Trọng Phụng)

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, thể hiện nhân vật và hệ thống sự kiện; cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật;...
- HS nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết số đỏ thể hiện qua đoạn trích.
- HS nhận biết và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp nói mỉa, nghịch ngữ trong đoạn trích.

2. Năng lực

- *Năng lực chung:* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- *Năng lực chuyên biệt:*

- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- + Năng lực đọc –hiểu các tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các tác phẩm tiểu thuyết hiện đại Việt Nam.
- + Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Về phẩm chất

- Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống.
- Có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, bảng, máy tính, máy chiếu,

2. Học liệu: một số tư liệu ảnh, video clip liên quan đến tác giả Vũ Trọng Phụng, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức 2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS tạo tâm thế tiếp nhận văn bản, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV cho HS xem clip phim “Trò đời” chuyển thể từ tiểu thuyết “Số đỏ” và một số tác phẩm khác của Vũ Trọng Phụng và nêu câu hỏi cho HS.

Link: [Trò Đời \(Số Đỏ\) tập 1 | "Mồm miêng đỡ tay chân" Xuân Tóc Đỏ thoát tội ăn cắp ngoạn mục - YouTube](#)

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy xem clip và nêu câu hỏi: - Hãy cho biết những kiểu người, tầng lớp người nào được phản ánh trong trích đoạn phim? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân. B3. Báo cáo thảo luận: HS nêu câu trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá câu trả lời và dẫn dắt vào bài: <i>Đoạn phim ngắn nhưng đã phản ánh được phần nào đó hiện thực xã hội đương thời. Đó là xã hội có sự phân hóa thành nhiều tầng lớp với nhiều mức sống và nhiều kiểu người, loại người. Vậy, bức tranh xã hội mà tiểu thuyết “Số đỏ” vẽ nên chắc chắn sẽ còn đa dạng và phong phú hơn nữa. Chúng ta hãy cùng hành trình khám phá bức tranh ấy của Vũ Trọng Phụng.</i>	Các kiểu người, tầng lớp người được phản ánh trong đoạn phim: - Tầng lớp thượng lưu ăn mặc sang trọng đi mua thuốc trong hiệu; - Tầng lớp bình dân mua thuốc trên đường, ngoài chợ; - Ma cà bông quảng cáo bán thuốc;...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

- Nắm được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết, tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ

b. Nội dung: GV chuyển giao phiếu học tập và HS hoàn thiện các phiếu này.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi gợi mở: <i>Em đã từng học, đọc những tiểu thuyết nào? Qua những tác phẩm ấy, em hiểu được gì về thể loại tiểu thuyết? (Mắt biếc của Nguyễn Nhật Ánh, Không gia đình của Hector Malot...)</i> - Thảo luận nhóm theo bàn - Hãy hoàn thiện phiếu học	1. Tiểu thuyết hiện đại - Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. 2. Tiểu thuyết hiện đại - Là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa.

tập số 1 B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm B3. Báo cáo thảo luận. GV gọi đại diện nhóm báo cáo B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và chuẩn kiến thức	3. Phong cách hiện thực Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. 4. Tác dụng của nói mỉa, nghịch ngữ - Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập. - Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.
--	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Hiểu được thông tin cơ bản về tác giả, văn bản

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ trước giờ học và trong giờ học yêu cầu HS thuyết trình

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình về tác giả, văn bản của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia HS thành 4 nhóm. Yêu cầu HS chuẩn bị giới thiệu về tác giả và văn bản theo (phiếu học tập số 2). 1. Tác giả - Hãy giới thiệu ngắn gọn về tác giả Vũ Trọng Phụng và tiểu thuyết “Số đỏ”? 2. Văn bản - Nêu xuất xứ của đoạn trích? B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc theo các nhóm đã chia, chuẩn bị thuyết trình theo phiếu học tập số 2. B3. Báo cáo thảo luận. HS đại diện nhóm thuyết trình các câu hỏi theo phiếu học tập số 2. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) quê ở tỉnh Hưng Yên nhưng sinh ra và sống chủ yếu ở Hà Nội. Ông bước vào làng văn từ rất sớm, dùng ngòi bút để kiếm sống và chống chọi một cách khó khăn với tình cảnh nghèo túng, bệnh tật triền miên. - Ông để lại một khối lượng sáng tác khá lớn, thuộc nhiều thể loại, trong đó nổi bật là phóng sự và tiểu thuyết. - Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng toát lên sự khinh bỉ xã hội đương thời mà ông nhìn nhận là đen tối, thối nát. Cảm hứng vạch trần sự thật luôn tri phối ngòi bút của ông. Bằng phong cách nghệ thuật độc đáo, ông đã xây dựng được những hình tượng nhân vật sắc nét, vừa mang tính đặc thù của một thời đại cụ thể, vừa thể hiện rõ bản chất một số trạng huống tồn tại phổ quát của cuộc sống. 2. Văn bản - Xuất xứ: Tiểu thuyết “Số đỏ” in lần đầu trên “Hà Nội báo” từ số 40 (7/10/1936). Năm 1938 in thành sách. Tiểu thuyết “Số đỏ” bao gồm XX chương. - Vị trí: Đoạn trích “Xuân tóc đỏ cứu quốc” mở

	đầu chương XX, chương cuối cùng của tác phẩm. - Bố cục + Phần 1 (Từ đầu đến “nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ.”): Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt. + Phần 2 (Tiếp theo đến “các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.”): Diễn biến kịch tính của “ván quần” giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La. + Phần 3 (Còn lại): Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng.
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nắm được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, nhân vật và hệ thống sự kiện; cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật;... thể hiện qua đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

- Hiểu được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết *Số đỏ*, thể hiện qua đoạn trích.

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ giúp HS khám phá các nội dung theo hướng tìm hiểu, phân tích các vấn đề nổi bật xuyên suốt văn bản như: Nghệ thuật tạo dựng bối cảnh và tình huống; Nghệ thuật khắc hoạ chân dung các nhân vật; Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trào phúng;...

c. Sản phẩm: Phiếu học tập, bài làm, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Khám phá nghệ thuật tạo dựng bối cảnh và tình huống Đọc và xác định tình huống của văn bản B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - Hãy xác định tình huống trào phúng của văn bản? B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ, làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận. HS báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện. GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Khám phá nghệ thuật tạo dựng bối cảnh và tình huống B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - GV chia lớp thành 3 nhóm. Sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn thực hiện (phiếu học tập số 3) + Nhóm 1: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 1: Hai nhà	II. Khám phá văn bản 1. Nghệ thuật tạo dựng tình huống trào phúng * Tình huống trào trúng: - Tình huống 1: Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La. - Tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh - một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời. - Tình huống 3: Đông đảo khán giả đã đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ. * Ý nghĩa của tình huống 1: - Bối cảnh: Công cuộc chuẩn bị cho sự kiện thể thao đặc biệt + Ban tổ chức: bán vé cho “trên ba nghìn” công chúng. + Sự hiện diện của các quan chức: Toàn quyền, Thống sứ, Đức vua nước nhà, Vua Xiêm. + Tổng cục thể thao Bắc kì: “lo sốt vó”, “đương hóa điên cuồng”, “phải nhiều người sục sạo khắp

quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quân vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh - một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 3: Đông đảo khán giả đã đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm

B3. Báo cáo thảo luận.

Các nhóm báo cáo kết quả và thảo luận

B4. Đánh giá kết quả thực hiện.

GV đánh giá kết quả thực hiện của HS.

GV nhận xét và nhấn mạnh một vài điểm đáng lưu ý ở tình huống số 3:

+ Xuân Tóc Đỏ là một kẻ có “số đỏ” đặc biệt, mỗi lần rơi vào tình thế ngặt nghèo lại là một lần đạt được cơ hội “thăng tiến” khó ngờ. Chính xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân – một kẻ “hạ lưu” vô học nhưng láu cá – đã chui sâu, leo cao và đạt đến địa vị “tốt vời”

+ Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch. Việc người kể chuyện thêm vào một số ghi chú (được đặt trong ngoặc đơn) khi thuật lại nguyên lời của Xuân Tóc Đỏ càng thể hiện rõ điều đó: nó vỗ vào ngực, nó đâm tay xuống không khí, nó giơ cao tay lên, nó đập tay xuống. Đây không phải là một yếu tố thuần túy hình thức mượn từ kịch. Chính nó thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Theo ông, tất

bốn phương trời”;

+ Sở mật thám: “bao nhiêu nhân viên đều chia đi hộ giá ngoài phố”.

=> **Đánh giá:** Bản chất của công cuộc chuẩn bị là một sự sắp đặt nhằm thể hiện thái độ nhường nhịn, tôn kính đối với nước lớn của nước thuộc địa. Sắp đặt Hải và Thụ đấu với quán quân Xiêm La. Ngoài ra, công cuộc chuẩn bị cũng bao gồm sự theo dõi, bắt bớ của Sở mật thám.

- Tình huống xảy ra ở cuối cuộc chuẩn bị cho sự kiện thể thao đặc biệt từ đó tạo nên bước ngoặt nằm ngoài dự tính khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn.

*** Ý nghĩa của tình huống 2:**

- Bối cảnh: Sự háo hức chờ đợi và những mong muốn khác nhau của khán giả theo dõi. Vua Xiêm muốn quán quân chiến thắng. Ông bầu Văn Minh muốn Xuân chiến thắng. Đức vua nước nhà, quan toàn quyền, thống xứ bản khoản bởi nếu Xuân thắng thì ngoại giao có thể “rây rà, lôi thôi”.

- Ý nghĩa: Đây là tình huống **quan trọng nhất** tạo nên bước ngoặt và kịch tính của toàn bộ sự kiện được kể trong đoạn trích.

Tình huống Xuân Tóc Đỏ đối thắng thành thua hiển nhiên là tình huống cực kì phi lí, thể hiện sự cao tay của tác giả trong việc sử dụng thủ pháp phóng đại. Mặc dù nhìn bề ngoài có vẻ phi lí, tình huống này vẫn có cơ sở hiện thực: trong chính trị, ngoại giao, mọi động thái của các bên liên quan đều giống như một nước cờ biến ảo, khó suy đoán. Qua việc xây dựng tình huống này, Vũ Trọng Phụng đã thể hiện một cảm quan hiện thực sắc bén, khi nhận ra tính chất trò hề của những sự kiện được quảng bá rầm rộ với vô số mĩ từ.

*** Ý nghĩa của tình huống 3:**

- Bối cảnh: Sự thất bại một cách cố tình của Xuân Tóc Đỏ trước đối thủ

- Ý nghĩa: Qua tình huống, Xuân trở thành người hùng cứu quốc trước đông đảo công chúng. Cũng qua đó, tác giả hoàn tất bức tranh phê phán Xuân và xã hội.

+ Xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân – một kẻ “hạ lưu” vô học nhưng láu cá – đã chui sâu, leo cao và đạt đến địa vị “tốt vời”

+ Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch khi Xuân vừa nói vừa có những hành động. Điều này thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Theo ông, tất

cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nghệ thuật trần thuật (ngôi kể và điểm nhìn)

B1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Xác định ngôi kể, điểm nhìn đã được nhà văn lựa chọn và ý nghĩa của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực theo khám phá và quan niệm của nhà văn?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời.

B3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS trả lời.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3: Khám phá nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật

B1. Chuyển giao nhiệm vụ.

- GV chia lớp thành 4 nhóm, cùng chuẩn bị bài thuyết trình về nghệ thuật khắc họa các nhân vật trong đoạn trích: Xuân Tóc Đỏ, Vua Xiêm, nhân vật đám đông (phiếu học tập số 4)

B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm

B3. Báo cáo thảo luận. HS báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện.

GV đánh giá kết quả thực hiện của HS.

GV nhấn mạnh một số phương diện trong bài hùng biện của Xuân:

+ Nội dung “bài” hùng biện của Xuân và ngôn ngữ được hần sử dụng trong đó cho thấy sự lên ngôi của tư duy vỉa hè và ngôn ngữ vỉa

cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài.

>> Đánh giá chung: Nghệ thuật xây dựng tình huống trào phúng đã góp phần sự phê phán châm biếm với con người, xã hội đương thời. Các tình huống còn cho thấy sức bao quát, phản ánh hiện thực rộng lớn của tác phẩm.

2. Nghệ thuật trần thuật (ngôi kể, điểm nhìn)

- **Ngôi kể:** Đoạn trích được kể ở ngôi thứ ba.

- **Điểm nhìn:** bên ngoài

- **Ý nghĩa:**

+ Tạo điều kiện bao quát toàn cảnh sự việc, đẩy nhanh nhịp độ kể và làm nổi bật tính chất “hề” của toàn bộ những gì được kể.

+ Để người đọc thấy được bức tranh tổng thể về những gì đang diễn ra: từ cảnh náo nhiệt trên sân vận động đến cảnh rĩ tai ám muội giữa các “đẳng” tai to mặt lớn trong ban tổ chức sự kiện; từ cảnh rừng người hò reo đến cảnh đặc tả từng động tác tay, chân đầy “biểu cảm” của nhân vật chính – Xuân Tóc Đỏ.

=> **Đánh giá:** Điểm nhìn toàn tri giúp nhà văn vạch trần những mảng tối trong hiện thực đồng thời thể hiện sự khinh bỉ đối với xã hội lúc bấy giờ.

3. Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật

*** Nhân vật Xuân Tóc Đỏ**

- Niềm hy vọng của gia đình cụ cố Hồng

- Cứu cánh cho Tổng cục thể thao Bắc Kỳ trước công chúng và danh dự quốc gia trong cuộc đối ngoại

- Xuân giành lợi thế trước quán quân Xiêm La nhưng rồi bất ngờ thua cuộc

- Xuân hùng biện “hùng hồn” trước công chúng

+ “Hỡi công chúng”

+ Xưng hô “mi” - “ta”

+ Lí lẽ cao siêu: “điều cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình”; “Ta phụng sự công cuộc ngoại giao của Chính phủ”; “giải tán đi và cứ việc an cư lạc nghiệp trong hòa bình”...

+ Hành động: “nó vỗ vào ngực”, “nó nắm tay xuống không khí”, “nó giơ cao tay lên”, “nó đập tay xuống”...

=> **Đánh giá:** Chân dung Xuân Tóc Đỏ được khắc họa chủ yếu trên phương diện ngôn từ và hành động trong bài hùng biện. Qua đó, Xuân hiện lên là một kẻ lưu manh gặp thời nên đạt tới địa vị “tót vời”. Dù vậy, bản chất lưu manh của

hè trong các diễn ngôn của một số “đáng bậc” (nhân danh trào lưu cổ suy tinh thần “bình dân” rất rầm rộ vào thời điểm tác phẩm Số đỏ ra đời).

+ Với “bài” hùng biện của mình, không chỉ Xuân mà cả những kẻ tiếp tay cho Xuân đang thực hiện việc đánh tráo khái niệm, khi sử dụng những từ biểu đạt các giá trị thiêng liêng để gán cho hành động của Xuân một ý nghĩa đẹp đẽ. Đó là một biểu hiện của việc các giá trị trong xã hội bị đánh lộn sòng.

+ Ngôn ngữ trong “bài” hùng biện của Xuân chứa đầy các yếu tố đối nghịch, hội tụ ở đó các mối tương quan xã hội phức tạp, như một cuộn tơ rối. Chúng xung đột và hoà hợp với nhau một cách kì dị, phản ánh đúng bản chất kì dị của xã hội đương thời

Nhiệm vụ 4: Khám phá nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trào phúng

B1. Chuyển giao nhiệm vụ.

GV chia lớp thành các nhóm đôi cùng thực hiện yêu cầu theo (phiếu học tập số 5)

- Hãy tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ nói mỉa và nghịch ngữ trong văn bản?

- Chỉ ra điểm tương đồng giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật?

B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm

B3. Báo cáo thảo luận. HS báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện. GV đánh giá kết quả thực hiện của HS.

hắn vẫn thể hiện trong ngôn ngữ mỉa hè trong giọng điệu kiêu ngạo của kẻ bề trên.

*** Nhân vật vua Xiêm**

- Nhân vật vua Xiêm hiện lên với trang phục kệch cỡm, lỗ lãng khi có sự kết hợp giữa âu phục và chiếc vương miện - biểu tượng của nước triều voi. Thêm nữa, sự hiện diện của 2 viên quan hầu Đức, Nhật cùng lời nói mỉa “*tiến bộ mạnh mẽ trên con đường tự lập*” khiến vua Xiêm giống như một con rối.

- Nhân vật ông trị sự Tổng cục thể thao Bắc kì, lo sốt vó, hóa điên cuồng vì không thấy Hải, Thụ. Lời nói quá đã tạo nên chất trào phúng cho nhân vật.

=> **Đánh giá:** Giọng mỉa mai, châm biếm, hài hước được sử dụng để miêu tả chân dung nhân vật.

*** Nhân vật đám đông**

+ “công chúng vỗ tay hoan nghênh tức khắc”

+ “đám công chúng Pháp - Nam ngây thơ, vô lo vô lự, vẫn vỗ tay rầm rộ để ủng hộ Xuân”

+ “công chúng còn đứng lại đông nghìn nghịt, tốp này định chia buồn với Xuân, tốp kia định trách cứ Xuân”

=> **Đánh giá:** Đám đông hiện lên là những kẻ thiếu suy nghĩ, hoàn toàn bị màn kịch trên sân khấu và lời nói của Xuân lừa dối. Qua đó, tác giả phản ánh một xã hội đảo điên, thiếu chân giá trị.

4. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trào phúng

- Ngôn ngữ của người kể chuyện:

+ “Người ta đồn rằng có rất nhiều người hâm mộ vì đến chằm không mua được vé, bèn hóa ra phần uất và chết một cách rất thể thao...”;

+ “Đằng sau nhà vua, một viên quan hầu Đức và một viên quan hầu Nhật tỏ rằng nước Xiêm đương tiến bộ mạnh mẽ trên con đường tự lập”

+ “Chính Sở Mật thám mà cũng lại không biết nốt, vì có bao nhiêu nhân viên đều chia nhau đi hộ giá ngoài phố cả, người ta chưa có người và chưa đủ thì giờ để xét căn cước và hỏi cung hai kẻ bị bắt kia nữa”...

=> **Đánh giá:** Nghịch ngữ góp phần tạo nên thành công về nghệ thuật trào phúng của tác phẩm khi giúp lật tẩy bản chất của hiện thực được nói đến.

- Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật có sự tương đồng và khác biệt

+ Sự tương đồng: Thể hiện ở thái mỉa mai, trào phúng, mặc dù ở lời nhân vật, sự mỉa mai không mang tính chủ động. Dù lời nhân vật thể hiện tâm

	trạng hoảng hốt (lời Văn Minh) hay lâm li, phần khích (lời Xuân Tóc Đỏ) thì tính chất mỉa mai vẫn được bộc lộ rõ nét hài hòa với tính chất mỉa mai trong lời người kể chuyện. - Sự khác biệt: Lời của người kể chuyện thực hiện chức năng thuật kể', miêu tả, giới thiệu nhân vật, sự việc; còn lời của nhân vật, xuất hiện trong giao tiếp. Thêm nữa, lời của người kể chuyện thể hiện quan điểm, cảm xúc của người kể chuyện còn lời của nhân vật thể hiện quan điểm, cảm xúc của nhân vật
--	--

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại, phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng

b. Nội dung: Yêu cầu HS rút ra phong cách hiện thực của nhà văn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS: - Hãy khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích? B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận. HS báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện. GV đánh giá kết quả thực hiện của HS.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc. - Sử dụng ngôi kể thứ ba và đặt điểm nhìn hợp lí. - Giọng điệu trào phúng, hài hước. - Sử dụng thành công biện pháp nói mỉa và nghịch ngữ. 2. Nội dung - Đoạn trích tái hiện bức tranh sống động về xã hội đương thời với tất cả những mặt xấu xa, thối nát. - Thông qua nhân vật Xuân Tóc Đỏ nhà văn đã phê phán xã hội đồi bại lố lăng. - Thể hiện sự trăn trở, mong muốn hướng đến một xã hội tốt đẹp hơn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS rèn luyện, phát triển năng lực qua việc vận dụng kiến thức đã học

b. Nội dung: GV hướng dẫn và triển khai nhiệm vụ viết đoạn văn cho HS

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua học đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo thảo luận. HS báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá

Đoạn văn có thể bao gồm những ý sau:

- Tiểu thuyết phản ánh được bức tranh hiện thực rộng lớn;
- Tiểu thuyết khắc họa được nhiều kiểu người, loại người
- Tiểu thuyết nêu lên được những vấn đề của thời đại

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Giúp HS viết được văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện với độ dài 150 chữ
- b. Nội dung:** HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.
- c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV sử dụng phiếu học tập số 6. Yêu cầu HS làm việc cá nhân B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá	- HS cần chỉ ra được điểm tương đồng trong nghệ thuật trào phúng được sử dụng để khắc họa hai bức chân dung + Cả vua Xiêm và Khải Định đều kệch cớm, lạc lõng bởi trang phục + Ngôn ngữ mỉa mai được sử dụng để khắc họa nhân vật

4. củng cố: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em, trong thời đại ngày nay, tiểu thuyết với những đặc trưng của nó, có sức hấp dẫn với thế hệ trẻ hay không? Vì sao?

5. HDVN: Chuẩn bị bài tiếp theo

PHIẾU HỌC TẬP PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Nêu khái niệm tiểu thuyết?
- Nêu khái niệm tiểu thuyết hiện đại?
- Phong cách hiện thực là gì?
- Tác dụng của nói mỉa và nghịch ngữ?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

- 1. Tác giả:** Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Vũ Trọng Phụng và tiểu thuyết “Số đỏ”?
- 2. Văn bản:**
- Nêu xuất xứ của đoạn trích?
 - Xác định bố cục đoạn trích?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

- + Nhóm 1: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 1: Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La.
- + Nhóm 2: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh - một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời.
- + Nhóm 3: Tìm hiểu bối cảnh và ý nghĩa của tình huống 3: Đông đảo khán giả đã đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xáo để xoay ngược thế cờ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Thuyết trình về nghệ thuật khắc họa các nhân vật trong đoạn trích: Xuân Tóc Đỏ, Vua Xiêm, nhân vật đám đông.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

- Hãy tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ nói mỉa và nghịch ngữ trong văn bản?
- Chỉ ra điểm tương đồng giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

So sánh chân dung vua Xiêm trong đoạn trích “Xuân Tóc Đỏ cứu quốc” và chân dung Khải Định trong truyện ngắn “Vi Hành” của Nguyễn Ái Quốc.

- *Hắn đấy!*

- *Đâu phải!*

- *Đúng mà! Anh đã bảo là chính hắn đấy.*

- *Chắc thật à? Em thì em đã thấy hắn ở trường đua, trông hắn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.*

- *Thế hay là hắn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kìa! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt bằng như vỏ chanh ấy đấy à?*

- *Ừ nhỉ. Thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hắn đến đây làm gì nhỉ, trong đường xe điện ngầm này, và tại các ông quan bà kiếc đi theo thì đâu cả?*

- *Có khi đã gửi tất ở kho hành lý nhà ga để đi chơi vi hành đấy.*

Đấy cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngấu nghiến trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả

BÀI 1.

KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

Tiết 4,5,6 – VĂN BẢN 2

NỖ BUỒN CHIẾN TRANH

(trích) Bảo Ninh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; khả năng soi tỏ tường tận đời sống bên trong của nhân vật; sự luân chuyển điểm nhìn trong nghệ thuật trần thuật;... thể hiện qua văn bản “Nỗi buồn chiến tranh”.

- Nhận biết và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp dòng hiện và bút pháp dòng ý thức trong đoạn trích.

- Nhận biết và phân tích được cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều về các sự kiện đời sống và về bản thân nghệ thuật tiểu thuyết.

2. Về năng lực: Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc hiểu văn bản truyện

3. Về phẩm chất: Biết đồng cảm với những chấn thương tinh thần của con người thời hậu chiến, biết quý trọng cuộc sống hoà bình và biết ơn những người đã cống hiến và hi sinh cho Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: Tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” (Bảo Ninh)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Hãy kể tên những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh mà em biết? Tác phẩm nào để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ, trao đổi, thảo luận cặp đôi Bước 3. Báo cáo kết quả Học sinh đại diện cặp đôi trả lời, học sinh còn lại bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề để gợi dẫn vào bài	-Một số tác phẩm viết về đề tài chiến tranh: <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> (Nguyễn Minh Châu), <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (Lê Minh Khuê), <i>Ngày cuối cùng của chiến tranh</i> (Vũ Cao Phan), <i>Người ở bến sông Châu</i> (Sương Nguyệt Minh)...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* Nội dung 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung chính về tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức chung về tác giả: - Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy trình bày những hiểu biết của mình về tác giả Bảo Ninh (<i>tiểu sử, sự nghiệp</i>)? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo thảo luận - 01 HS trình bày sản phẩm - GV gọi 01 hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức chung văn bản “ <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> ”: PHIẾU BÀI TẬP <table> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh, xuất xứ</td><td></td></tr> <tr> <td>Đề tài, câu chuyện,</td><td></td></tr> </table>	Thể loại		Hoàn cảnh, xuất xứ		Đề tài, câu chuyện,		I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả - Bảo Ninh sinh năm 1952. - Tên khai sinh là Hoàng Ấu Phương - Quê: Quảng Bình - Ông là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975. - Ông luôn quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. - Tác phẩm chính: + Tiểu thuyết: <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> (1991) + Truyện ngắn: <i>Truyện ngắn Bảo Ninh</i> (2002), <i>Lan man trong lúc kẹt xe</i> (2005), <i>Chuyện xưa, kết đi được chưa?</i> (2009)... => Là nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam sau 1975. 2. Văn bản: “Nỗi buồn chiến tranh” a. Thể loại: tiểu thuyết hiện đại b. Hoàn cảnh, xuất xứ: - Hoàn thành năm 1987 - Ra mắt lần đầu tiên với nhan đề: <i>Thân phận của tình yêu</i> năm 1990. - Đoạn trích được ghép thành từ hai phần ở các vị trí khác nhau của tiểu thuyết “ <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> ”. c. Đề tài và điểm nhìn trần thuật: - Đề tài: Đời sống của con người thời hậu chiến. - Câu chuyện được kể: + Phần 1: Người kể chuyện ngôi thứ ba – điểm nhìn nhân vật Kiên => trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh và
Thể loại							
Hoàn cảnh, xuất xứ							
Đề tài, câu chuyện,							

<i>điểm nhìn và ngôi kể</i>	
<i>Bố cục</i>	
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - 1 -2 HS trình bày sản phẩm. - GV gọi 1 hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt. + Phần 2: Người kể chuyện ngôi thứ nhất – điểm nhìn của “tôi” => kể về những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” bộn bề mà Kiên bỏ lại. Đó là ấn tượng, cảm xúc và suy tư về nhân vật Kiên, về quyền được nhớ lại, về niềm hạnh phúc đang chờ đợi những ai muốn đi ngược thời gian để sống trọn vẹn với những gì đã xảy ra trong quá khứ, về chiến tranh, về ý thức bảo vệ phẩm giá ở mỗi người trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt,... d. Bố cục: 2 phần: + Phần 1 (từ đầu đến <i>trí tưởng tượng</i>): Trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên - dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt. + Phần 2 (phần còn lại): Những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” bộn bề mà Kiên bỏ lại.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục đích: HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức văn bản về nhân vật Kiên và nhân vật “tôi” qua các câu hỏi thảo luận nhóm (10 phút) sau: <table border="1"> <tr> <td colspan="2">THẢO LUẬN NHÓM (Nhóm 1,2)</td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhân vật Kiên</td></tr> <tr> <td>- Trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên là gì? Liệt kê những từ ngữ đã được tác giả sử dụng để miêu tả trạng thái tâm lí đó.</td><td></td></tr> <tr> <td>- Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh được hiện lên với “khuôn mặt” như thế nào? Theo hiểu</td><td></td></tr> </table>	THẢO LUẬN NHÓM (Nhóm 1,2)		Nhân vật Kiên		- Trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên là gì? Liệt kê những từ ngữ đã được tác giả sử dụng để miêu tả trạng thái tâm lí đó.		- Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh được hiện lên với “khuôn mặt” như thế nào? Theo hiểu		II. Khám phá văn bản 1. Nhân vật Kiên a. Trạng thái tâm lí của nhân vật Kiên: - Trạng thái tâm lí: buồn đau dai dẳng, luôn bị kí ức chiến tranh lôi ngược về quá khứ “<i>hồn phách xiêu lạc, ý thức mờ mịt, lú lẫn, mê mẩn, cô quạnh, âu sầu, bi quan bế tắc, vô vọng, tim như rách dần, cả hai buồng phổi nghẹt khói thuốc, miệng khô đắng, cổ tắc lại, nấc, anh cầm đầu viết, ...</i>”. => Kiên là một anh bộ đội bước ra từ cuộc chiến với chấn thương tâm hồn nặng nề trước những hi sinh, mất mát, đổ vỡ do chiến tranh. b. Những hồi ức về chiến tranh của nhân vật Kiên: - “Khuôn mặt” chiến tranh trong kí ức của Kiên: <i>Dữ tợn, chết chóc, phi nhân tính.</i> - Để lại ấn tượng nặng nề nhất trong kí ức của Kiên là “<i>trận tử chiến trường Gội Hồn với những diễn biến nặng nề của nó và số phận bi thảm của tiểu đoàn anh</i>”. => Nỗi đau trước sự hy sinh của đồng đội. Nỗi đau của nhân vật Kiên rất đáng trân trọng. - Mở rộng: + Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh hiện lên với “khuôn mặt” đau khô, tàn khốc. + “Khuôn mặt” tàn khốc không phải là là khuôn mặt duy nhất trong chiến tranh. Vì đâu thể khẳng định rằng chiến tranh chỉ ngập tràn đau thương, cũng sẽ có lúc tình yêu thương thay thế, cũng có lúc niềm yêu đời, lạc quan xuất hiện như trong những
THẢO LUẬN NHÓM (Nhóm 1,2)									
Nhân vật Kiên									
- Trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên là gì? Liệt kê những từ ngữ đã được tác giả sử dụng để miêu tả trạng thái tâm lí đó.									
- Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh được hiện lên với “khuôn mặt” như thế nào? Theo hiểu									

biết của bạn, đây có phải “khuôn mặt” duy nhất của chiến tranh không? Vì sao?		tác phẩm: Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật, Đồng Chí – Chính Hữu. c. Cuộc sống của Kiên trong hiện tại – thời bình: - Kiên sẽ được “phục sinh trong chuỗi dài tái hiện”: “ <i>Kiên tin rằng anh đã phục sinh, nhưng là một sự phục sinh lùi về sâu xa.</i> ”, “ <i>Có vẻ như anh đã tìm ra cuộc đời mới của mình: đây chính là cuộc đời đã qua, là tuổi trẻ đã mất đi trong nỗi đau buồn chiến tranh.</i> ”, “ <i>Nhưng mặc dù thế, tôi tin rằng anh vô cùng hạnh phúc trên con đường hướng mãi về quá khứ.</i> ”, “ <i>Tôi cảm thấy ghen tị với niềm cảm hứng, niềm lạc quan quay ngược về quá khứ của anh.</i> ”, ... => Trong hiện tại, Kiên trở thành hiện tượng “đi biệt, khó cắt nghĩa” trong mắt của “bàn dân thiên hạ”. Đó cũng là số phận của những người “đi tìm thời gian đã mất”. Tuy nhiên Kiên tìm được hạnh phúc trong sự nhớ lại, Kiên thấy được là chính mình khi sống với toàn bộ kí ức.
THẢO LUẬN NHÓM (Nhóm 3,4) Suy tư của nhân vật “Tôi” – người kể chuyện khi đọc lại bản thảo của Kiên		
Người kể chuyện đã nêu những nhận xét gì về cuốn tiểu thuyết mà nhân vật Kiên đang viết dở? Nhận xét đó liên hệ tới đặc điểm nào của tiểu thuyết hiện đại?		2. Suy tư của nhân vật “Tôi” – người kể chuyện khi đọc lại bản thảo của Kiên: - <i>Những ấn tượng của nhân vật “Tôi” khi tiếp xúc với tiểu thuyết của Kiên: “Lúc đầu không thể hiểu nổi, vì bản thảo quá lộn xộn, không theo trật tự nào cả” nhưng sau đó anh đã hiểu ra và nhận định “khá cuốn hút”.</i> - <i>Nỗi buồn của nhân vật chính:</i> + Nỗi đau buồn mà Kiên lâm vào hay tự chìm mình vào có cội nguồn từ sự chiêm nghiệm sâu sắc bộ mặt phi nhân tính của chiến tranh: chiến tranh gây ra những chết chóc, gây nhiều tổn thương tinh thần không thể chữa lành. + Nỗi đau buồn của Kiên kéo anh mãi về quá khứ nhưng cũng làm cho anh được phục sinh về mặt tinh thần, giúp anh soi tỏ toàn bộ tháng ngày qua bằng một cái nhìn mới, đầy ý thức.
Trong đoạn trích, phần kể lại chuyện “Kiên bỏ đi” và tôi đọc bản thảo của Kiên góp phần soi tỏ được điều gì về bản chất và nỗi đau buồn của nhân vật chính, về việc viết tiểu thuyết.		- <i>Suy ngẫm về công việc viết tiểu thuyết:</i> + Đối với Kiên, viết tiểu thuyết chính là một hành động cụ thể để tái hiện trọn vẹn quãng đời đã qua vốn bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh và để thực hiện sự phục sinh tinh thần. + Đối với các nhà văn, viết tiểu thuyết là việc đi tìm một hình thức biểu đạt phù hợp có thể soi tỏ được bản chất của đời sống, cuốn người đọc vào những câu chuyện ngỡ xa lạ nhưng thực ra là của chính họ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm. - GV gọi hs các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.		3. Những sắc màu của tiểu thuyết hiện đại trong <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> a. Sự linh hoạt trong kết cấu và sự độc đáo khi kể chuyện: Phần 1: Người kể chuyện ngôi thứ ba kể về trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên Phần 2: Người kể chuyện xưng “tôi” kể về những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” + Nhân vật gần như không có “hành động bên ngoài” mà chỉ có “hành động bên trong”, tức là chỉ hiện lên trước người đọc với dòng tâm tư bất tận của mình. + Đoạn trích mờ nhạt (hay thiếu) yếu tố sự kiện: gây không ít

Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm hiểu Những sắc màu của tiểu thuyết hiện đại trong <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> - Sự linh hoạt trong kết cấu và sự độc đáo khi kể chuyện - Sự chuyển dịch ngôi kể và điểm nhìn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo thảo luận - GV 01 HS trả lời. - GV gọi 01 hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	bồi rối cho những độc giả vốn quen đọc truyện, tiểu thuyết truyền thống có hệ thống sự kiện, biến cố, tình tiết, chi tiết kết nối với nhau chặt chẽ, được phân lớp tường minh. b. Sự chuyển dịch ngôi kể và điểm nhìn - Ở phần một, tác giả kể ở ngôi thứ ba theo điểm nhìn của nhân vật Kiên và ở phần hai là kể ở ngôi thứ nhất theo điểm nhìn của người kể chuyện xưng “tôi”. - Trong phần một, ngôi thứ ba với điểm nhìn bên trong từ nhân vật Kiên => có thể kể những gì xảy ra trong cuộc sống của Kiên và diễn tả một cách tự nhiên diễn biến tinh tế nhất trong nội tâm của nhân vật ... - Sự dịch chuyển ngôi kể và điểm nhìn tạo một cuộc đối thoại giữa hai người viết về tác phẩm của Kiên: “Tôi” và Bảo Ninh.
---	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: HS khái quát những đặc sắc nghệ thuật và giá trị nội dung của đoạn trích? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Sử dụng ngôi kể thứ ba xen lẫn ngôi kể thứ nhất. - Tập trung mô tả “hành động bên trong”, nhân vật trong đoạn trích gần như không có “hành động bên ngoài” mà chỉ có “hành động bên trong”. - Sử dụng thành công thủ pháp đồng hiện. 2. Nội dung - Qua đoạn trích, ta thấy bức chân dung về con người trong văn học thời kì hậu chiến đầy đủ hơn về sự diễn tả quá trình tự ý thức của con người về lịch sử, về số phận con người, về hạnh phúc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS làm bài tập trắc nghiệm: Câu 1: Ban đầu “Nỗi buồn chiến tranh” được đặt với nhan đề là gì? A. Thân phận của tình yêu B. Nỗi buồn của chiến tranh C. Nỗi buồn người ở lại D. Một đi không trở lại Câu 2: Phần 2 của đoạn trích “Nỗi buồn chiến tranh” được trích từ đâu của cuốn tiểu thuyết? A. Phần giữa cuốn tiểu thuyết B. Trang cuối cuốn tiểu thuyết C. Những trang đầu tiên của cuốn tiểu thuyết D. Những dòng tâm sự ngoài lề của tác giả Câu 3: Những địa danh nào được nhắc đến trong ký ức của nhân vật Kiên? A. Cánh Bắc, Ngọc Bơ Rây, Truong Gọi Hồn. B. Cánh rừng Tây Bắc, Truong Gọi Hồn, Sông Thạch Hãn. C. Khe Giao, Côn Lĩnh, Nậm Na. D. Ngọc Bơ Rây, Thiên Cầm, Pác Pó. Câu 4: Kiên đã sống trong trạng thái như thế nào khi bị kí ức chiến tranh khuấy đảo? A. Đau đớn và sợ hãi tột cùng. B. Hồn xiêu phách lạc, ý thức mờ mịt, lú lẫn, mê mẩn. C. Thấp thỏm, lo âu. D. Kinh sợ, hãi hùng và rời quần quai vì đau đớn. Câu 5: Dưới tác động của kí ức, kết cấu cuốn tiểu thuyết mà Kiên đang viết phát triển theo hướng nào? A. Tác phẩm giống như một thước phim quay chậm tất cả sự việc hiện lên theo thứ tự trước sau. B. Tiểu thuyết của Kiên dày lên và dần đến đoạn kết và ngày càng hoàn chỉnh. C. Tiểu thuyết của Kiên dày lên và dần đến đoạn kết, song đồng thời cũng mỗi ngày thêm dang dở. D. Tiểu thuyết lộn xộn, không thể hình dung được. Câu 6: Thái độ của người đời đối với việc Kiên biến mất? A. Sốt sắng đi tìm kiếm B. Lo lắng và sốt ruột C. Thờ ơ D. Qua lại thăm hỏi liên tiếp Câu 7: Người kể chuyện đã gặp khó khăn gì khi đọc những trang bản thảo do Kiên để lại? A. Có những trang đã bị môi xông, mờ nhoẹt. B. Có những trang đã bị đốt. C. Có những trang đã bị tác giả loại nhưng vẫn lẫn trong bản thảo. D. Bản thảo viết không theo một trình tự nào hết, mạch chuyện không ngừng bị đứt gãy.	- Đáp án: Câu 1: A Câu 2: B Câu 3: A Câu 4: B Câu 5: C Câu 6: C Câu 7: D Câu 8: A Câu 9: D

Câu 8: Theo người kể chuyện thì nhân vật Kiên đã sáng tác dựa trên cảm hứng chủ đạo là gì? A. Là sự rối bời B. Là sự lo lắng C. Là sự đau đớn D. Là sự đấu tranh nội tâm Câu 9: Thủ pháp nghệ thuật nào được sử dụng thành công trong <i>Nỗi buồn chiến tranh</i>? A. Tượng trưng B. Đảo ngược C. Một điểm tập trung D. Đồng hiện Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.</i> - Gọi ý: + Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận. + Trình bày cảm nhận khái quát về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần. + Lí giải những cảm nhận cụ thể về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần. + Những điều rút ra từ sự lựa chọn của Kiên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Bài làm của HS. (Tham khảo) Trong tác phẩm “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” của nhà văn Bảo Ninh, nhân vật Kiên được xây dựng là một nhân vật đã từng tham gia chiến tranh nên tâm lí cũng như tinh thần của Kiên đã bị ám ảnh bởi những kí ức đau thương của chiến tranh. Bởi vậy khi nhớ về hình ảnh ấy anh lại bị những dòng kí ức bủa vây và cuốn đi theo mạch kí ức đó. Những lúc như vậy, anh lại ngồi viết, nhưng cách viết của anh đang nương theo những dòng kí ức ấy và câu từ trong bản thảo của anh lộn xộn, không có trình tự, phải chăng Kiên đã rơi vào nỗi bi kịch tinh thần và không thể dứt khỏi kí ức đau buồn chiến tranh. Nhưng hãy nhìn theo một hướng khác, Kiên đã có sự lựa chọn của riêng mình, đó là “nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần”. Khi chúng ta nhớ lại những trải nghiệm, chúng ta không chỉ ghi nhận một phần của quá khứ mà còn tạo ra một liên kết với nó. Qua việc nhớ và viết, Kiên có thể “phục sinh” tinh thần bằng cách tái tạo lại những trải nghiệm, cảm xúc và ý nghĩa của cuộc sống. Việc này giúp chúng ta không chỉ đối diện với những thách thức mà còn tìm ra những ý nghĩa sâu sắc và hướng đi mới trong cuộc sống. Với hoàn cảnh của nhân vật Kiên, anh ta không thể dứt khỏi kí ức chiến tranh, anh ta khó hòa nhập với cộng đồng nhưng có lẽ, việc nhớ và viết chính là phương pháp trị liệu tốt nhất để anh có thể tìm thấy sự bình an trong tâm hồn, anh có thể gặp lại đồng đội đã hi sinh, có thể nhớ lại kí ức tươi đẹp và có lẽ, đó là lựa chọn phù hợp với Kiên.

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Ôn tập kiến thức đã học.
- Soạn bài thực hành tiếng Việt.

Tiết 7: BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỊCH NGỮ, NÓI MĨA: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

2. Về năng lực

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.
- Biết vận dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong nói và viết nhằm đạt được những mục đích cụ thể đã xác định.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

3. Về phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; sử dụng ngôn ngữ đúng mục đích, đúng hoàn cảnh, hợp chuẩn mực.
- Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip...; Phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức:**2. Kiểm tra bài cũ:****3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức của HS về các biện pháp tu từ HS đã được học và tạo tình huống vào bài mới: Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

b. Nội dung: Lấy ví dụ về câu văn có sử dụng biện pháp tu từ mà HS đã được học ; trong đó có cả biện pháp nói mỉa và nghịch ngữ trong một số đoạn văn bản truyện hoặc tiểu thuyết hoặc thơ.

c. Sản phẩm: GV phân tích, chỉ ra BPTT nói mỉa, nghịch ngữ mà HS có thể chưa chỉ ra được . Sau đó GV phân tích hai phương diện: dấu hiệu nhận biết và tác dụng(hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ mà nhà văn đã sử dụng) và dẫn vào bài học.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV : Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: <i>“Thật là một cái đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng nếu không gật gù cái đầu”</i> (trích “Số đỏ” – Vũ Trọng Phụng)	HS chỉ chỉ ra được BPTT cường điệu (nói quá) mà không gọi tên và phân tích được tác dụng của nói mỉa, nghịch ngữ. GV gợi ý, chỉ ra BPTT nói mỉa, nghịch ngữ trong câu văn: - BPTT nói mỉa, nghịch ngữ : + Nói mỉa: <i>“Thật là một cái đám ma to tát”</i> + Nghịch ngữ: <i>Người chết nằm trong quan tài >< Mỉm cười sung sướng, gật gù cái đầu</i> - Tác dụng: + Nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm, đả kích trước sự lố lăng, hồ lồn, hỗn tạp của cái đám ma của gia đình thượng lưu
B2: Thực hiện nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS trao đổi thảo luận, nêu ý kiến GV quan sát, nhắc nhở hướng dẫn HS trả lời theo quan điểm cá nhân, cách thể hiện ...	
B3: Báo cáo thảo luận:	

GV gọi bất kì thành viên của mỗi nhóm để trả lời câu hỏi. Sau đó, đại diện nhóm sẽ nhận xét, bổ sung lẫn nhau. GV bổ sung, hướng dẫn HS chốt lại các ý. B4: Đánh giá kết quả thực hiện sau đó tạo tình huống dẫn dắt vào bài học: Vậy nói mỉa là gì? Nghịch ngữ là gì? Cách nhận diện và tác dụng của nó như thế nào? Đó cũng chính là nội dung bài học chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.	trường giả . + Đồng thời nhấn mạnh nghịch lí là cái “sung sướng”, “gật gù” của người chết nằm trong quan tài không phải vì con cháu tổ chức cho mình “đám ma to” mà là vì không phải sống chung với đám con cháu bất hiếu, giả nhân, giả nghĩa nữa.
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI : TÌM HIỂU BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA, NGHỊCH NGỮ

a. Mục tiêu

- Nắm vững khái niệm, biết cách nhận diện biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của BPTT nói mỉa, nghịch ngữ trong những văn bản cụ thể.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn HS nhận biết và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Hình thành kiến thức mới Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn , nhắc lại kiến thức cơ bản và cách hiểu biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm bài. Bước 3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	I. LÝ THUYẾT 1. Khái niệm, dấu hiệu nhận biết và tác dụng biện pháp tu từ nói mỉa - Khái niệm: Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập. - Dấu hiệu nhận biết: + Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng: <i>Hay ho, hay hóm, đẹp mặt, tốt mã, làm cha thiên hạ, ăn trắng mặc trơn, mèo mù vớ cá rán,...</i> VD: . <i>Ôi! Con bé đó cũng chỉ được cái tốt mã.</i> . <i>Đúng là mèo mù vớ được cá rán!</i> + Người viết, người nói nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới. VD: <i>Hắn mà làm được điều đó thì tôi đi đâu xuống đất!</i> + Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá. VD: <i>Cám ơn ngài, ngài đã dạy quá lời</i> <i>Kẻ hèn mọn này đâu dám đứng ngang hàng với các vị.</i> + Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn. VD: <i>Hầu ló, métxì thông mọi tiếng,</i> <i>Chẳng sang Tàu cũng xéch sang Tây.</i> (Trần Tế xương, Mai mà tở hồng) + Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn. VD: <i>Ông ta khóc quá, muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi</i>

	ngã. Nó chật vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xoè, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi. - Hút... Hút... Hút.. (Số đỏ- Vũ Trọng Phụng) 2. Khái niệm, dấu hiệu nhận biết và tác dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ. - Khái niệm: Nghịch ngữ là biện pháp tu từ mà người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình. - Dấu hiệu nhận biết: + Có sự kết hợp dường như trái lý giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ VD: <i>Hạnh phúc của một tang gia; chết một cách bình tĩnh, thi hài sống, người chết mỉm cười sung sướng,...</i> + Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng được đề cập trước đó. VD: Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ “chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.
--	---

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 2: Thực hành bài tập PP: Thảo luận nhóm (chia lớp làm 6 nhóm – 2 bàn 1 nhóm) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -Nhóm 1,3: BT 1 –sgk 26; - Nhóm 2,4: BT 2 – SGK TR 26,27; Nhóm 5,6: BT3 –SGK – Tr 27) + Thời gian : 7 phút + Hình thức trình bày: trên giấy A2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập được giao; GV quan sát, tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu 1 trong 2 nhóm cùng chung 1 nhiệm vụ lên trình bày, nhóm còn lại phản biện, nhận xét, bổ sung	II. THỰC HÀNH 1. Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26) a.- Biện pháp tu từ nói mỉa biểu hiện: ở cụm từ sau cùng của câu “ở cái nước có hàng triệu con voi”. Phần trước có vẻ được tường thuật nghiêm túc, khách quan, nhưng với cụm từ này, độc giả cảm nhận được rõ sự chế giễu ngầm ẩn, do trọng tâm thông tin đã chuyển từ sự ghi chú thoáng qua (đáng lẽ thế) về một quốc gia, xứ sở thành sự đo đếm một đối tượng khác không mấy liên quan đến nhân vật chính + Ở đây vừa có sự xuất hiện của yếu tố nhại (Triệu Voi như một danh xưng quốc gia bị biến thành cụm từ thể hiện nội dung “tính đếm” nôm n); vừa có sự pha trộn giữa cách nói nghiêm túc và cách nói bình dân suồng sã. b. Biện pháp tu từ nói mỉa: “ông đã báo công trình mới cấy được từng ấy râu” cách miêu tả trịnh trọng một hành động bình thường, tầm thường; cách so sánh mang tính chất hạ thấp hay hạ bệ đối tượng. 2. Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26,27) a. Biện pháp nghịch ngữ: “giơ quả đấm chào loài người”. Cụm từ: “quả đấm” gợi ý niệm về bạo lực và sự đối kháng, trong khi hành động “chào” lại biểu thị sự thân thiện, hoà đồng b. Nghịch ngữ ở đây là “cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau”. “Cơm rượu” và “bò lợn” với

Bước 4: Nhận xét, đánh giá	“quan phủ, quan tỉnh” là những đối tượng khác biệt nhau về loại và và “đẳng cấp”, vậy mà bị đánh đồng trong chuỗi liệt kê, từ “hiệp sức” mang hàm ý mỉa mai, khinh miệt. 3. Bài tập 3 (SGK <i>Ngữ văn 12</i>, tập một, tr. 27) Biện pháp nghịch ngữ: “ầm ầm mà quạnh hiu”. Ở đây, có sự đối chọi về nghĩa của hai từ chính trong cụm từ. “Ầm ầm” là từ tượng thanh, thường dùng để miêu tả tình trạng âm thanh lớn, mạnh. “Quạnh hiu” diễn tả tình trạng vắng vẻ, thường là tĩnh lặng của một không gian cụ thể. Ghép “ầm ầm” bên “quạnh hiu” để diễn tả một trạng thái chung của đối tượng là việc làm khác thường b. Biện pháp nghịch ngữ: “nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình”. Ở đây, “cấp tiến” và “bảo thủ” lật tẩy bản chất của đối tượng, buộc độc giả phải tập trung chú ý vào một thông tin cụ thể của câu văn.
-----------------------------------	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS xác định được biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và tác dụng của nó.
- b. Nội dung:** Chọn một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và phân tích chỉ ra tác dụng
- c. Sản phẩm**
- Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.
 - Chọn một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và phân tích chỉ ra tác dụng.
- d. Tổ chức thực hiện**
- Bước 1.** GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*.
- Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.
- Bước 3 - 4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.
- GV cho một vài HS trình bày kết quả, các HS khác góp ý và bổ sung (nếu có). GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về cách giải thích nghĩa của từ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.
- b. Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà
- Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và lý giải ý tưởng sử dụng*
- c. Sản phẩm:** Viết được một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và lý giải ý tưởng sử dụng
- d. Tổ chức thực hiện**
- Bước 1.** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo.
- Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:
- Nội dung:
 - + Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.
 - + Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.
 - + Sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
 - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

Bước 3 - 4. GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.

HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập. GV yêu cầu HS trong lớp đọc và góp ý. GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo.

PHẦN 3. VIẾT

TIẾT 8,9

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Đề tài phù hợp để viết bài.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
 - Chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
 - Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau).
- làm bài để hoàn thiện bài viết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Ti vi có kết nối Internet/ máy chiếu, máy tính, bảng phụ/giấy A0,...

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa Ngữ văn 12, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Tổ chức**

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề để HS chia sẻ

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn đề HS suy nghĩ trả lời: <i>-Em đã gặp bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện trong những trường hợp nào?</i> <i>-Theo em, mục đích và cơ sở của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện là gì?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời. GV quan sát, hỗ trợ nếu HS cần. B3. Báo cáo thảo luận: GV mời 2 HS chia sẻ. Các hs khác bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV vấn đề và dẫn dắt vào bài học	- Mục đích so sánh, đánh giá là làm rõ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chung trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. - Cơ sở: Hai tác phẩm truyện có những điểm tương đồng khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau. - Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được những yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** HS trả lời các yêu cầu khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc kỹ yêu cầu trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Theo em, một bài văn so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện cần đảm bảo những yêu cầu gì?</i> - GV có thể sử dụng các câu hỏi gợi mở để giúp HS khắc sâu kiến thức. HS hoạt động nhóm đôi. + <i>Trong các bài viết cụ thể, có nhất thiết mục đích so sánh, đánh giá luôn phải được trình bày trước cơ sở so sánh, đánh giá hay không? Vì sao?</i> + <i>Hãy kể tên một số phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm truyện.</i>	I. Yêu cầu của kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện - Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện - Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện - Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định - Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện cần

+ Vì sao trong bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, người viết không thể bỏ qua việc trình bày các thông tin khái quát về hai tác phẩm? -HS tiếp nhận nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn B3. Báo cáo, thảo luận: GV mời 1, 2 HS đại diện nhóm trình bày câu trả lời. HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá qua phần trình bày của HS (thái độ làm việc, kĩ năng trình bày). GV chốt vấn đề	cứ và kết quả so sánh - Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh
--	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các bước triển khai văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện và hiểu được cách viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

b. Nội dung: HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi ở sách giáo khoa. Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm, ghi vào phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ bài viết tham khảo trong SGK, chú ý các thẻ định hướng đọc và hoạt động nhóm bàn để trả lời câu hỏi ở SGK - Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> là gì? - Tác giả bài viết đã xác định mục đích so sánh hai tác phẩm như thế nào? - Các phương diện cơ bản nào của hai tác phẩm đã được đưa ra so sánh - Đánh giá nào về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh? - Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo trong SGK, các em hãy cho biết nội dung, bố cục của bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi trong SGK.	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> Hai truyện đều: + Viết về cùng đề tài chiến tranh + Có ý nghĩa tiêu biểu cho cách tiếp cận hiện thực chiến tranh của văn học trong một giai đoạn cụ thể (giai đoạn 1954-1975). 2. Mục đích so sánh hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> Làm rõ: - Sự thống nhất trong cảm hứng sáng tác của các nhà văn cách mạng khi viết về cùng 1 đề tài. - Cách nhà văn thể hiện phong cách cá nhân độc đáo ở các tác phẩm cụ thể - một điều không dễ làm trong bối cảnh cách mạng, mọi sáng tác văn học phải mang tính định hướng cao và cần được chuốt nhẵn thành “vũ khí”. 3. Các phương diện cơ bản của hai tác phẩm đã được đưa ra so sánh - Điểm tương đồng của hai truyện: + Hoàn cảnh sáng tác: Hai truyện đều viết trong khoảng nửa cuối thập niên sáu mươi của thế kỉ XX, lúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược ác liệt. + Cảm hứng sáng tác: hai truyện đều mang cảm hứng khẳng định mạnh mẽ - tinh thần yêu nước; tìm cách cắt nghĩa bề sâu của đời sống, tập trung soi tỏ những điều bí

GV quan sát, hỗ trợ HS nếu HS gặp khó khăn. (Câu 1: + HS cần lí do vì sao người viết lại chọn hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> để so sánh với nhau. + HS dựa vào đoạn mở đầu của bài viết để xác định câu trả lời Câu 2: + HS cần chỉ ra được mục đích của tác giả bài viết khi thực hiện việc so sánh hai tác phẩm. + HS dựa vào đoạn 2 của bài viết để xác định câu trả lời Câu 3: + HS phải xác định rõ các phương diện được lựa chọn để so sánh, vì trong giới hạn của một bài viết nhỏ, người ta không thể tiến hành so sánh hai tác phẩm trên mọi phương diện. + HS đặc biệt dựa vào đoạn 3 của văn bản để tìm câu trả lời. Câu 4: + HS phải nêu được những nhận định về giá trị của từng tác phẩm chỉ được hình thành trên cơ sở so sánh. + HS cần chú ý tới những từ như “<i>tương tự</i>”, “<i>cũng</i>” trong bài viết thể hiện ý đánh giá điểm tương đồng, những cụm từ, cấu trúc câu như “<i>trong khi đó</i>”, “<i>nếu... thì...</i>” thể hiện ý phân tích điểm khác biệt giữa hai tác phẩm được đưa ra so sánh) B3. Báo cáo, thảo luận: GV mời 2-3 HS đại diện nhóm trình bày câu trả lời. HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá chung kết quả hoạt động của các nhóm (Thái độ làm việc, kĩ năng trình bày) và chốt những kiến thức	ấn kỉ diệu làm nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người ViệtNam trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt. - Những thông tin về từng tác phẩm: Xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,... - Phân tích những điểm tương đồng, điểm riêng biệt 4. Đánh giá về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh Hai tác phẩm đều là những sáng tác mang dấu ấn thời đại rõ rệt: - <i>Mảnh trăng cuối rừng</i>: câu chuyện đều diễn ra trong bối cảnh đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc một cách ác liệt - <i>Những đứa con trong gia đình</i>: Không gian sông nước miền Tây Nam Bộ, nhân vật vừa chớm bước vào tuổi thanh niên, kể chuyện ngôi thứ ba về một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước 5. Tiểu kết nội dung, bố cục bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Mở bài: - Giới thiệu hai tác phẩm, tác giả được so sánh, đánh giá - Cơ sở của việc lựa chọn so sánh, đánh giá hai tác phẩm - Mục đích so sánh, đánh giá hai tác phẩm *Thân bài: - Những thông tin về từng tác phẩm: Xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,... - Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai truyện - Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai truyện - Nguyên nhân, ý nghĩa của những điểm tương đồng, điểm riêng biệt *Kết bài: Đánh giá về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a.Mục tiêu:

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm

truyện.

- Chọn được đề tài phù hợp để viết bài.

- Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau).

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết

- Học sinh thực hành viết.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập, bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ * GV yêu cầu HS: - Tự nghiên cứu (theo nhóm bàn) nội dung <i>Chuẩn bị viết ở Thực hành viết</i> trong SGK. - Hoạt động nhóm – lớp chia 4 nhóm - mỗi nhóm nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung. - Hãy tự đề xuất hai tác phẩm truyện để so sánh, đánh giá hoặc lựa chọn theo gợi ý của SGK. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ của GV. GV quan sát, hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn. B3. Báo cáo, thảo luận: 2-3 hs trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá chung và giúp HS tìm, lựa chọn được đề tài viết thích hợp với mình, dựa vào phần gợi ý của SGK hoặc dựa vào đề xuất đề tài viết của HS. - GV lưu ý: <i>việc so sánh không phải hướng tới mục đích xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào mà để nhận ra những khác biệt, sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống; so sánh để làm rõ vấn đề văn học có trong tác phẩm</i>	III. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Chọn hai tác phẩm truyện có những điểm chung. - Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. - Xác lập cơ sở so sánh: Hai tác phẩm phải có những “mẫu” tiêu biểu, cho phép việc so sánh đạt được kết quả cần thiết; hai tác phẩm có những điểm khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau. - Bài viết có thể ưu tiên nhấn mạnh sự tương đồng hoặc chỉ tập trung nói về sự khác biệt giữa hai tác phẩm. Ví dụ: Đề bài: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện Chí Phèo (Nam Cao) và truyện Lão Hạc (Nam Cao). (-Lí do chọn: vì hai truyện Chí Phèo và Lão Hạc của Nam Cao những điểm tương đồng về hoàn cảnh sáng tác trước 1945, đề tài nông thôn và người nông dân trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, nhân vật người nông dân, cùng tác giả với phong cách nghệ thuật độc đáo... - Có thể so sánh cả sự giống nhau và khác nhau giữa hai truyện)

* Tìm ý, lập dàn ý

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự nghiên cứu (theo nhóm bàn) nội dung <i>Tìm ý, lập dàn ý ở</i>	2. Tìm ý, lập dàn ý a/ Tìm ý - Vì sao khi đọc truyện này độc giả thường liên hệ đến

Thực hành viết trong SGK.

- Hoạt động nhóm – lớp chia 4 nhóm - mỗi nhóm nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung.
- GV phát phiếu học tập, hs làm việc cá nhân, kết hợp làm việc nhóm để tìm ý và lập dàn ý:

Đề bài: *Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện Chí Phèo (Nam Cao) và truyện Lão Hạc (Nam Cao).*

Tìm ý	
- Vì sao khi đọc truyện này đọc giả thường liên hệ đến truyện kia? (cơ sở so sánh hai truyện).	
- Việc so sánh khi thực hiện bài viết nhằm mục đích gì?	
- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào?	
- Sự khác biệt giữa hai truyện là gì? (Nét độc đáo của từng truyện)	
- Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh hai truyện với nhau)	
Lập dàn ý:	
Mở bài	
Thân bài	
- Thông tin chung về từng tác phẩm	
- Điểm tương đồng giữa 2 tác phẩm	
- Nguyên nhân tương đồng	
- Điểm khác biệt giữa 2 tác phẩm	
- Nguyên nhân khác	

truyện kia? (cơ sở so sánh hai truyện).

- Việc so sánh khi thực hiện bài viết nhằm mục đích gì?
- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào?
- Điều gì dẫn đến sự “gặp gỡ” đó giữa hai tác phẩm truyện?
- Sự khác biệt giữa hai truyện là gì? (Nét độc đáo của từng truyện)
- Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh hai truyện với nhau)

Ví dụ với đề bài trên:

- Cơ sở so sánh hai truyện: Đây là hai truyện ngắn tiêu biểu trước Cách mạng tháng Tám 1945 của Nam Cao ở đề tài người nông dân.
- Mục đích so sánh: làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt của hai truyện từ đề tài, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, từ đó để đánh giá thành công và đóng góp của tác giả ở đề tài nông thôn và người nông dân.
- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau:
 - ~ Bối cảnh xã hội: nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.
 - ~ Nhân vật: người nông dân nghèo, số phận bất hạnh.
 - ~ Cảm hứng sáng tác: hiện thực, nhân đạo
 - ~ Nghệ thuật trần thuật
 - ~ ...
- + **Nguyên nhân của điểm tương đồng** là do hai tác phẩm đều có cùng tác giả, hoàn cảnh sáng tác.
- + **Sự khác biệt giữa hai truyện:**
 - ~ Biểu hiện cụ thể trong cuộc đời và tính cách nhân vật.
 - ~ Kết cấu truyện
 - ~ Tình huống truyện.
 - ...
- + **Ý nghĩa của việc so sánh**
 - ~ giá trị của tác phẩm
 - ~ tài năng, tư tưởng, đóng góp của tác giả

b/ Lập dàn ý

***Khung dàn ý:**

- Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.
- Thân bài:
 - + Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học, ...
 - + Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng
 - + Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và

<i>biệt</i>		điều kiện làm nên sự khác biệt ấy.
<i>-Đánh giá chung</i>		+ Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.
<i>Kết bài</i>		-Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh. *Ví dụ với đề bài trên, HS sắp xếp các ý vừa tìm được vào bố cục 3 phần sao cho hợp lý: -Mở bài: + Giới thiệu hai tác phẩm truyện Chí Phèo và Lão Hạc của Nam Cao +Nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. ~ Cơ sở: Đây là hai truyện ngắn tiêu biểu trước Cách mạng tháng Tám 1945 của Nam Cao ở đề tài người nông dân. ~ Mục đích: làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt của hai truyện từ đề tài, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện,từ đó để đánh giá thành công và đóng góp của tác giả ở đề tài nông thôn và người nông dân. -Thân bài: + Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... + Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau: ~ Bối cảnh: nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. ~Nhân vật: Lão Hạc và Chí Phèo đều là những người nông dân nghèo ở nông thôn Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Họ bị đẩy vào con đường cùng, số phận bất hạnh và có kết cục bi thảm ~ Cảm hứng sáng tác: Phê phán hiện thực xã hội. Thương xót cho số phận người nông dân trong xã hội cũ, phát hiện, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, tin tưởng vào bản chất lương thiện của họ và đòi quyền sống cho người nông dân. ~ Nghệ thuật trần thuật: Tổ chức mạch truyện tự nhiên, phóng khoáng, theo dòng tâm lý; lối trần thuật hướng nội; người kể chuyện sử dụng kết hợp nhiều điểm nhìn, đặc biệt sử dụng nhiều điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật; nhân vật chính được miêu tả từ nhiều điểm nhìn trần thuật, được chú ý nhiều đến đời sống tâm lý; ngôn ngữ sống động, giọng điệu đa thanh ~... + Nguyên nhân của điểm tương đồng là do hai tác phẩm đều có cùng tác giả, hoàn cảnh sáng tác. + Sự khác biệt giữa hai truyện: ~ Nhân vật Chí Phèo có cuộc đời khốn cùng nhiều hơn lão Hạc; có diễn biến tâm lý, tính cách phong phú, phức tạp. Có những lúc nhân vật bị biến thành quỷ dữ. Còn

- Kết quả của hoạt động nhóm trình bày trên bảng phụ treo lên bảng (hoặc giấy A4 chụp gửi vào nhóm zalo của lớp).

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS hoạt động nhóm bàn, tìm ý và lập dàn ý ra phiếu học tập. GV gợi ý nếu HS gặp khó khăn:

B3. Báo cáo, thảo luận:

GV mời đại diện nhóm trình bày câu trả lời. HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá chung và chốt lại kiến thức và lưu ý:

Thân bài: luận điểm có thể trình bày theo một trong các cách sau:

- *điểm tương đồng-> điểm khác biệt*

- *điểm khác biệt -> điểm tương đồng*

- *kết hợp phân tích, so sánh cả tương đồng/ khác biệt ở từng phương diện đặc điểm/ giá trị về nội dung/ nghệ thuật của hai tác phẩm truyện*

	Lão Hạc thì tính cách thống nhất từ đầu đến cuối tác phẩm- lương thiện. ~ Truyện Chí Phèo có kết cấu đan cài phức tạp hơn kết cấu truyện Lão Hạc. ~ Trong truyện Chí Phèo, nhân vật bị đặt trong sự lựa chọn chấp nhận cái chết để giữ gìn nhân tính, không chấp nhận cuộc sống “quỷ dữ”. Còn trong truyện Lão Hạc, nhân vật Lão Hạc bị đặt vào tình huống lựa chọn cái chết để giữ lại mảnh vườn cho con + Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. ~ Giá trị hiện thực, nhân đạo của hai tác phẩm ~ Tư tưởng nhân đạo, tài năng viết truyện bậc thầy, phong cách nghệ thuật độc đáo của Nam Cao -Kết bài: Khẳng định giá trị lớn lao, vị trí xuất sắc, đóng góp của hai truyện ngắn Chí Phèo, Lão Hạc vào nền văn học Việt Nam hiện đại ở đề tài người nông dân.
--	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Học sinh đọc hướng dẫn <i>Viết, Chỉnh sửa, hoàn thiện</i>, phần <i>Thực hành viết</i> trong SGK, nêu thắc mắc cần trao đổi, giải đáp. -GV yêu cầu HS viết bài theo đề bài và dàn ý đã lập - làm việc cá nhân - Sau khi viết bài, GV yêu cầu HS tự đọc lại bài viết, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết và nộp bài. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS viết bài, chỉnh sửa, hoàn thiện. GV quan sát HS. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Hs nộp bài viết đã hoàn thiện. Bước 4. Kết luận, nhận định GV đánh giá chung	3. Viết + Mỗi ý trong dàn ý cần được triển khai thành một đoạn văn, có câu chủ đề + Để làm sáng tỏ các luận điểm, cần chú ý khai khác bằng chứng từ những phương diện khác nhau của hai tác phẩm truyện: đề tài, chủ đề, cảm hứng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... + Trích dẫn văn bản hay phê bình đánh giá về truyện cần chính xác, khách quan. + Tránh lối diễn đạt cảm tính, chủ quan trong so sánh, đánh giá + Tránh bài viết chỉ là sự lắp ghép của hai “bài” nhỏ phân tích từng tác phẩm riêng biệt. + Cần chú ý mạch lạc, liên kết của bài viết và việc ngắt đoạn văn phù hợp để dễ theo dõi hệ thống luận điểm. 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện + Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết. + Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: HS hiểu rõ cách làm bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; nhận ra ưu, nhược của bài viết của mình và bạn; rút kinh nghiệm cho bài viết tiếp theo.

b. Nội dung: HS phân tích đề, lập dàn ý, tự đánh giá bài viết và đánh giá chéo bài viết của bạn, chữa bài.

c. Sản phẩm: bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

4. củng cố:

5. HDVN:

*Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá cách kết thúc của hai truyện Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) và Vợ nhặt (Kim Lân)

*Sưu tầm đoạn văn/ bài văn hay của dạng bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện để tham khảo: cách diễn đạt, dùng từ, đặt câu...

***Chuẩn bị nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

PHẦN 4. NÓI VÀ NGHE

Tiết 9.10 TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giới thiệu được những thông tin cơ bản về các tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình; so sánh hai tác phẩm dựa trên những tiêu chí cụ thể.

- Học sinh trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp với các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình.

2. Về năng lực

* Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

- Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

* Nghe: Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

3. Về phẩm chất

- Tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực.

- Tự tin thể hiện bản thân, có sắc thái, cảm xúc, giọng điệu khi tranh luận phù hợp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. **Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi https://youtu.be/U56AQVXiVHY	- Đoạn video đã thực hiện so sánh điểm tương đồng và khác biệt về cảnh ngộ

- Đoạn video nói về điều gì, có liên quan gì đến nội dung bài viết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Ở tiết trước cô trò chúng ta đã hoàn thành dàn ý cho đề bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm của nhà văn Nam Cao là “ Lão Hạc” và “Chí Phèo”. Các em cũng vừa được xem cuộc thảo luận của các bạn trong video về những điểm tương đồng và khác biệt về cảnh ngộ của Chí Phèo và Lão Hạc. Vậy các em có ý kiến so sánh, đánh giá về hai tác phẩm này ra sao, hãy thể hiện trong buổi học ngày hôm nay nhé!	của Chí Phèo và Lão Hạc
---	-------------------------

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Muốn trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.34) Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nói Bước 1. GV nêu những lưu ý trong việc lựa chọn đề tài và nhắc lại đề tài bài nói đã giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà: So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện <i>Chí Phèo</i> và truyện <i>Lão Hạc</i> của Nam Cao.	I. Yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện - Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này. - Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. - Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). - Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. II. Chuẩn bị nói 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài của bài nói có thể là đề tài của bài viết đã được thực hiện trước đó. Nếu vậy, cần điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nghe và phù hợp với hoạt động nói và nghe. - Nên chọn so sánh những tác phẩm quen thuộc để đạt hiệu quả tương tác

- GV đưa ra gợi ý về việc sắp xếp các ý trong bài nói, yêu cầu HS:

- Xem lại dàn ý bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao. (Hs đã chuẩn bị ở nhà)
- **HS thực hiện nhiệm vụ:** xem lại bài đã chuẩn bị.

Nhiệm vụ 3: Thực hành nói

Bước 1:

- GV nhắc lại yêu cầu của bài nói

Bước 2. GV giao nhiệm vụ

Gv cho hs thực hành nói

- Gv nhắc lại yêu cầu của tiết trước: Chia lớp thành 4 nhóm, nhiệm vụ: Trình bày điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm *Lão Hạc* và *Chí Phèo* của Nam Cao. Sản phẩm bao gồm 1 bài powerpoint để thuyết trình và 1 bản word nộp lại cho giáo viên, ghi rõ tên các thành viên của nhóm.)
- Gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các thành viên khác của nhóm và các nhóm còn lại lắng nghe, quan sát, ghi chép và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho (theo mẫu). Mỗi nhóm có 5 phút trình bày.

Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các nhiệm vụ được giao

Bước 4: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm

Bước 5: Kết luận, nhân xét

Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

Nhiệm vụ 4: Trao đổi và đánh giá

với người nghe.

Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:

- Đề tài bài nói: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao.

b. Tìm ý và sắp xếp ý (sử dụng bài viết)

- Giới thiệu hai tác phẩm truyện *Chi Phèo* và *Lão Hạc* của Nam Cao
- Nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.
- Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...
- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau: Bối cảnh, Nhân vật, Cảm hứng sáng tác, Nghệ thuật trần thuật
- Nguyên nhân của điểm tương đồng và khác biệt
- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

II. THỰC HÀNH NÓI

1. Yêu cầu bài nói

Bài nói cần tuân thủ dàn ý đã chuẩn bị theo kết cấu ba phần: Mở bài, triển khai, kết luận

- Mở đầu: Nêu tên tác phẩm được so sánh, đánh giá và lý do chọn phẩm đó.
- Triển khai: So sánh, đánh giá được điểm giống và khác nhau của hai tác phẩm ở một số phương diện; chỉ ra được ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm.
- Kết luận: Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của 2 tác phẩm.

Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm (đã chuẩn bị ở nhà)

2. So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Chí Phèo* và truyện *Lão Hạc* của Nam Cao.

3. Trao đổi, đánh giá

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn

- HS cả lớp tự đánh giá kỹ năng nói và kỹ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các nhiệm vụ được giao

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS.

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	
PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề	

1. Trao đổi

Người nói	Người nghe
Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm.	Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu. Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm.
Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.	Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.
Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.	Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.

b. Đánh giá

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói	

	chính của bài nói chưa?				chưa?	
			2	Có tích cực ghi chép không?		
			3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?		
			4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Chuẩn bị nói và nghe Đối với người nói Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Đối với người nói, trả lời những câu hỏi sau trước khi trình bày: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.	Bài nói tham khảo: Chào thầy cô và các bạn! Em xin tự giới thiệu, em tên là.... đại diện nhóm xin trình bày bài nói với chủ đề: So sánh, đánh giá hai truyện ngắn <i>Lão Hạc</i> và <i>Chí Phèo</i> của Nam Cao. Thầy cô và các bạn đều biết, Nam Cao là một nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại. Một trong những chủ đề lớn trong sáng tác của ông trước cách mạng là chủ đề viết về người nông dân. Trong đó hai tác phẩm <i>Lão Hạc</i> và <i>Chí Phèo</i> là hai tác phẩm lớn và tiêu biểu của chủ đề này. Mặc dù, cùng viết về đề tài người nông dân, nhưng hai tác phẩm vẫn có những điểm khác biệt. Trong phần trình bày này, chúng em xin làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt của hai truyện từ đề tài, nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, từ đó để đánh giá thành công và đóng góp của tác giả ở đề tài nông thôn và người nông dân. Triển khai: - Thông tin chung về từng tác phẩm: + <i>Chí Phèo</i>: . Hoàn cảnh ra đời: <i>Chí Phèo</i> là một truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Nam Cao viết vào tháng 2 năm 1941. Lúc đầu truyện có tên là <i>Cái lò gạch cũ</i>; khi in sách lần đầu, nhà xuất bản đổi tên là <i>Đôi lứa xứng đôi</i>. Sau khi in lại trong tập <i>Luống cày</i>, tác giả đặt tên là <i>Chí Phèo</i>. . Cốt truyện: Truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> là câu chuyện về nhân vật cùng tên <i>Chí Phèo</i> – một đứa trẻ mồ côi bị bỏ rơi trong một cái lò gạch cũ. Hắn được người làng chuyển tay nhau nuôi. Lớn lên, <i>Chí Phèo</i> đi ở hết nhà này tới nhà nọ và làm canh điền cho Lý Kiến. Vì

Đối với người nghe Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thực hành nói và nghe Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho bạn (theo mẫu) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các nhiệm vụ được giao Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về bài thuyết trình Bước 4: Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. - HS đánh giá phần thuyết trình của nhóm bạn và phần lắng nghe của bản thân thông qua bảng kiểm - GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS	ghen tuông vô lý, Lý Kiến đẩy Chí Phèo vào tù. Bảy năm sau Chí Phèo trở về làng trong một bộ dạng khác hẳn của một tay anh chị. Hắn bị Bá Kiến lợi dụng và biến thành tay sai. Hắn trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, chuyên rạch mặt ăn vạ và gây tai họa cho người trong làng. Mỗi tình với Thị Nở đã làm Chí Phèo hồi sinh, hân khao khát làm hòa với mọi người và sống lương thiện. Nhưng bà cô Thị Nở và cái xã hội đương thời đã chặn đứng con đường trở về làm người lương thiện của Chí. Tuyệt vọng, hắn tìm giết Bá Kiến và tự sát. Nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở nhìn xuống bụng và thầm nghĩ đến một cái lò gạch bỏ không, xa đường cái và vắng người qua lại. + Truyện ngắn Lão Hạc: . Hoàn cảnh sáng tác: Lão Hạc là một truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về người nông dân ở xã hội phong kiến cũ, đăng báo lần đầu năm 1943 . Tóm tắt: Lão Hạc là một người nông dân nghèo, sống cùng một con chó gọi là cậu Vàng. Lão có một người con trai nhưng vì nghèo không có tiền lấy vợ nên đã bỏ đi làm đồn điền cao su. Một mình lão phải tự lo liệu mưu sinh. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhà lão không còn gì nữa, lão đành phải bán cậu Vàng - con chó mà lão hết mực thương yêu như con trai mình. Lão mang hết số tiền bán chó và dành dụm được từ việc bán mảnh vườn gửi nhờ ông Giáo. Mấy hôm sau lão kiếm được gù ăn nấy. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó nói dối là đánh bả con chó hay sang vườn để giết thịt ăn nhưng thực ra là để tự tử. Cái chết của lão Hạc dữ dội, vật vã, chẳng ai hiểu vì sao lão chết ngoại trừ ông Giáo và Binh Tư. - Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau: + Bối cảnh: Cả hai truyện đều lấy bối cảnh nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. + Nhân vật: Nhân vật Lão Hạc và Chí Phèo đều là những người nông dân nghèo ở nông thôn Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Họ bị đẩy vào con đường cùng, số phận bất hạnh và có kết cục bi thảm + Cảm hứng sáng tác: Cả hai tác phẩm đều phê phán hiện thực xã hội. Thương xót cho số phận người nông dân trong xã hội cũ, phát hiện, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp, tin tưởng vào bản chất lương thiện của họ và đòi quyền sống cho người nông dân. + Nghệ thuật trần thuật: Tổ chức mạch truyện tự nhiên, phóng khoáng, theo dòng tâm lý; lối trần thuật hướng nội; người kể chuyện sử dụng kết hợp nhiều điểm nhìn, đặc biệt sử dụng nhiều điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật; nhân vật
--	---

	chính được miêu tả từ nhiều điểm nhìn trần thuật, được chú ý nhiều đến đời sống tâm lí; ngôn ngữ sống động, giọng điệu đa thanh - Sự khác biệt giữa hai truyện: Bên cạnh những điểm tương đồng, hai truyện ngắn có những điểm khác biệt: + Nhân vật Chí Phèo có cuộc đời khốn cùng nhiều hơn lão Hạc; có diễn biến tâm lí, tính cách phong phú, phức tạp. Có những lúc nhân vật bị biến thành quỷ dữ. Còn Lão Hạc thì tính cách thống nhất từ đầu đến cuối tác phẩm- lương thiện. + Truyện Chí Phèo có kết cấu đan cài phức tạp hơn kết cấu truyện Lão Hạc. + Trong truyện Chí Phèo, nhân vật bị đặt trong sự lựa chọn chấp nhận cái chết để giữ gìn nhân tính, không chấp nhận cuộc sống “quỷ dữ”. Còn trong truyện Lão Hạc, nhân vật Lão Hạc bị đặt vào tình huống lựa chọn cái chết để giữ lại mảnh vườn cho con - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. + Cả hai tác phẩm đều viết về số phận người nông dân trước CMT8. Cả Lão Hạc và Chí Phèo đều là những điển hình của văn học hiện thực Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi người nông dân trong mỗi tác phẩm lại có số phận riêng, có bi kịch khác biệt. + Với ngòi bút nhân văn, tài năng viết truyện bậc thầy, phong cách nghệ thuật độc đáo của Nam Cao - Kết bài: Với những đặc sắc riêng của mình, truyện ngắn <i>Lão Hạc</i> và <i>Chí Phèo</i> cũng như nhiều tác phẩm viết về người nông dân khác, Nam Cao đã một lần nữa khẳng định tên tuổi của mình trên văn đàn cũng như có đóng góp lớn trong những áng văn viết về người nông dân trước Cách mạng. Bài thuyết trình của nhóm em đến đây là hết. Xin được cảm ơn sự lắng nghe của thầy cô giáo. Rất mong sự đóng góp ý kiến của thầy/cô và các bạn, để sản phẩm của nhóm em hoàn chỉnh hơn.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Hãy so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện em đã đọc hoặc đã học (chuẩn bị ở nhà theo nhóm, chia lớp thành 4 nhóm; thời gian video: không quá 5 phút; thời gian nộp: sau 1 tuần, nộp qua zalo cho giáo viên)

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS (thể quay video clip không quá 5 phút)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu	Video của học sinh:

HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm đúng hạn. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bước 3 – 4. GV chấm điểm video của học sinh, có phản hồi, nhận xét.	- Đúng thời gian nộp: sau 1 tuần - Đúng yêu cầu của đề bài - Video không quá 5 phút
---	---

4. củng cố: GV giao bài tập về nhà

Câu 1. Bài học đã bổ sung cho hiểu biết của bạn về truyện nói chung và tiểu thuyết hiện đại nói riêng như thế nào?

Câu 2. Nêu nhận thức của bạn về khả năng lao động của tiểu thuyết trong việc thể hiện bức tranh đời sống và khám phá những bí mật của con người cá nhân.

Câu 3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy điều gì về những hướng tìm tòi, phát triển của tiểu thuyết hiện đại?

Câu 4. Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo được những nguyên tắc gì? Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học (trong đó có tác phẩm truyện) dựa trên sự so sánh?

5. HDVN

- HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.
- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.
- Hs biết vận dụng kiến thức và kỹ năng được học qua thực hành đọc văn bản mới

2. Về năng lực

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.
- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.
- Hs biết vận dụng kiến thức và kỹ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc.
- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 1.

3. Về phẩm chất: Có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip...; Phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Hs dựa vào phân tri thức Ngữ văn và trải nghiệm đọc hiểu các văn bản để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* <i>Giao nhiệm vụ HT:</i> Em hãy nhắc lại đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại. * <i>Thực hiện nhiệm vụ HT:</i> HS thực hiện nhiệm vụ. * <i>Báo cáo thảo luận:</i> Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp. * <i>Kết luận, nhận định:</i> GV nhận xét sản phẩm của Hs.	+ Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi; không lí tưởng hóa hiện thực. + Nhân vật là “con người ném trái”, không bất biến, có quá trình phát triển nhiều khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí. + Có kết cấu nhiều tầng lớp, tuyến tính hoặc phi tuyến tính; có sự đan xen của nhiều bề ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội. + Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC

a. Mục tiêu:

- Củng cố tri thức về tiểu thuyết.
- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản tiểu thuyết.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kỹ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc.

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 1.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: Hs tìm hiểu về thể loại, xuất xứ, tác giả, nội dung tiểu thuyết và đoạn trích - Đọc văn bản sgk - Thảo luận nhóm theo bàn: theo câu hỏi hướng dẫn đọc bài B2. Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm B3. Báo cáo thảo luận. GV gọi đại diện nhóm báo cáo B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và chuẩn kiến thức <i>* Giao nhiệm vụ HT:</i> Câu 1: Em hãy chỉ ra những trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ. Câu 2: Những nghịch lý cuộc sống được nhìn nhận như thế nào qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu? Câu 3: Chỉ ra nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật. <i>* Thực hiện nhiệm vụ HT:</i> HS thực hiện nhiệm vụ. <i>* Báo cáo thảo luận:</i> Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp. <i>* Kết luận, nhận định:</i> GV nhận xét sản phẩm của Hs.	I/ Đọc và tìm hiểu chung - Thể loại - Xuất xứ - Tác giả - Nội dung tiểu thuyết và đoạn trích II/ Đọc hiểu văn bản
Câu 1: Trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ. - Thấy nhiều kiểu trời: + Trời có đám mây trắng. + Trời tịnh không một gợn mây. + Trời mỏng dính và u ám. + Trời là trận mưa đen ngòm. + Trời là trận nước đổ xuống, là trận đại hồng thủy... - Thấy nhiều loại biển: + Biển gầm thét như một con hổ. + Biển thì thâm vào tai ta như người bạn rủ rỉ tâm tình. + Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần. + Biển sấm sét như những trận đất lở. + Biển rít lên như giấy nháp cọ trên mặt gỗ. + Biển kêu như người nôn mửa. + Biển lặng ngắt như chết. - Cảm nhận thấy giữa trời và biển là gió. - Thấy được đêm và trăng. Câu 2: Những nghịch lý cuộc sống được nhìn qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu. - Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của một vòng tròn. Cho dù mọi vật có	

về như biến động vô cùng... Cái hình học kia không bao giờ thay đổi.

→ Khi đắm tàu, khi nạn nhân đang tiến gần hơn với cửa tử thì góc nhìn cũng như suy nghĩ sẽ chỉ dừng lại ở một khía cạnh nhất định, dù mọi vật có biến động ra sao, có đang thay đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực thì con người sẽ chỉ nhìn thấy rằng, mình đang bước vào cửa tử.

- Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi lớn lao. Mà thực tế là, cái vòng tròn còn nhân bản lên nữa.

→ Đây có thể là một cách miêu tả cho sự ngây thơ, sự tin tưởng mù quáng mà chúng ta thường có đối với thế giới xung quanh, Đôi khi, những niềm tin và hy vọng của chúng ta có thể bị lạc quan, ngây thơ, và chúng ta không nhận ra rằng thế giới có thể đầy rẫy những mặt trái và nguy hiểm.

- Một kẻ đắm tàu là kẻ bị mắc kẹt trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn còn nhân bản lên nữa.

→ Khi đối mặt với cái chết, con người có thể hi vọng nhưng họ sẽ bị kéo về thực tại vì họ hiểu họ đã bị mắc kẹt và không thể nào thoát ra, họ dần chấp nhận với sự thực này.

- Là một kẻ đắm tàu là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi.

→ Khi đối mặt với cái chết, con người sẽ bị mắc kẹt giữa sự lạnh lùng và cảm giác lúc ấy chỉ là sự mệt mỏi.

- Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia.

→ Cuộc sống luôn luôn vận động và ta sẽ không biết chuyện gì có thể xảy ra.

- Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thực sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang lao vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân.

→ Khi bạn gặp nguy hiểm và đứng giữa một cơ hội mong manh để sống, bạn sẽ chẳng còn cơ hội nào khác và chỉ biết nỗ lực để tìm ra con đường sống.

Câu 3: Nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.

Những nét đặc sắc đó chính là:

- Tác giả tạo ra một tầm nhìn độc đáo thông qua nhân vật của mình đó là một nạn nhân đắm tàu. Cách nhìn của nhân vật về thế giới, về cuộc sống và về những giá trị cơ bản được trình bày một cách sâu sắc và tinh tế thông qua cái nhìn của nhân vật về sự vật xung quanh.

- Từ những trải nghiệm riêng của nhân vật, tác giả khám phá và khái quát các chân lí, giá trị, và bài học muôn đời mà mọi người có thể cảm nhận và học hỏi.

- Dùng những từ ngữ mang tính triết lí, giàu hình ảnh tượng trưng, so sánh để khái quát được những chân lí muôn đời.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS luyện tập, phân tích đánh giá đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích

b. Nội dung: HS trình bày bài viết trên lớp/ ở nhà, thảo luận.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn 200 chữ đánh giá nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích “Trên xuồng cứu nạn” Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề được giao. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.	SP của học sinh

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá được tác phẩm

b. Nội dung: Rút ra thông điệp, tìm được các tác phẩm cùng chủ đề, thực hiện các bước đọc hiểu.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ trên lớp/ hoặc về nhà. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3 – 4. GV chấm điểm sp của học sinh, có phản hồi, nhận xét.	SP của học sinh: - Đúng thời gian / bài ở nhà có thể nộp: sau 1 tuần - Đúng yêu cầu của đề bài

4. củng cố: HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

5. HDVN

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2 - Những thế giới thơ

+ Xem và ghi chép những kiến thức quan trọng trong phần Tri thức ngữ văn

+ Xem trước các phiếu bài tập được giao và trả lời câu hỏi trong SGK

BÀI 2: NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 07 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...
- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học.
- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

3. Về phẩm chất:

- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 12,13 - VĂN BẢN 1:

CẢM HOÀI (Nỗi lòng)

- Đặng Dung-

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.

2. Về năng lực: HS hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

3. Về phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

a. Chuẩn bị của giáo viên

- KHBD, Bài giảng Power Point.
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

b. Chuẩn bị của học sinh

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 12, bài soạn theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

2. Học liệu: tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung:

- GV chiếu video bài hát Tự nguyện – ca sĩ Hồ Quỳnh Hương
- GV gợi dẫn câu hỏi: Chia sẻ lí tưởng sống cao đẹp của thế hệ trẻ hiện nay và của bản thân em?
- HS lắng nghe và suy nghĩ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video bài hát Tự nguyện – ca sĩ Hồ Quỳnh Hương https://www.youtube.com/watch?v=mY9Mnkj6B8M - GV gợi dẫn câu hỏi: Chia sẻ lí tưởng sống cao đẹp của thế hệ trẻ hiện nay và của bản thân em? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh theo dõi và chia sẻ B3. Báo cáo thảo luận: Chia sẻ của học sinh B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS => Dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ.....
- HS hiểu được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn.

b. Nội dung:

- HS đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa.
- Học sinh thực hành cá nhân – thảo luận nhóm để tìm hiểu phần tri thức ngữ văn

c. Sản phẩm: Phiếu học tập ghi nhận tri thức ngữ văn

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức HDN(5p) Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy: Hãy chia sẻ những hiểu biết của	1. Biểu tượng – Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống.

em về biểu tượng và yếu tố siêu thực trong thơ hiện đại? Lấy ví dụ cụ thể? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về phong cách cổ điển và lãng mạn. Lấy ví dụ cụ thể? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận (2p) và trình bày (3p) Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ, thảo luận Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Ví dụ: + Hoa hồng – tình yêu ; chim bồ câu – hòa bình ; cây tùng – người quân tử.... + thuyền và biển – người con trai và người con gái (trong ca dao – Thuyền về có nhớ bến chăng..... ; trong thơ Xuân Quỳnh – Chỉ có thuyền mới hiểu....Thuyền đi đâu về đâu).... 2. Yếu tố siêu thực trong thơ – Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện: hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu, được viết theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. - Ví dụ:thơ Hàn Mặc Tử 3. Phong cách thơ a. Phong cách cổ điển – Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của quan niệm về thế giới có tính đặc thù. – Đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ;... * Ví dụ: - Thơ Huy Cận, Thâm Tâm,.... mang đậm phong vị Đường thi - Thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh. b. Phong cách lãng mạn – Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực. Đây là hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ thời cổ đại. – Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học – nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. – Tùy theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng). – Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản. Ví dụ: Phong trào thơ Mới
--	---

	+ KH bi quan: Chế Lan Viên - Xuân, Những sợ to lòng... + KH lạc quan: thơ Xuân Diệu – Vội Vàng
--	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: “CẢM HOÀI” (ĐẶNG DUNG)

2.1. Tìm hiểu khái quát

- a. Mục tiêu:** nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản “Cảm hoài”.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Đặng Dung và văn bản “Cảm hoài”.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến Đặng Dung và văn bản “Cảm hoài”.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm														
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: GV gọi HS đọc thành tiếng bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ. 2. Tác giả <i>Tìm hiểu những thông tin về tác giả Đặng Dung?</i> 3. Tác phẩm + Trình bày xuất xứ của bài thơ “Cảm hoài”? + Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Đề tài của tác phẩm là gì? Dấu hiệu nào để em xác định dấu hiệu của thể loại bài thơ? + Xác định nhân vật trữ tình? + So sánh bản phiên âm và bản dịch thơ? Phiếu học tập 1 <table border="1"> <tr> <th>Tìm hiểu</th><th>Trả lời</th></tr> <tr> <td>Xuất xứ</td><td></td></tr> <tr> <td>Đề tài</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục</td><td></td></tr> <tr> <td>So sánh với bản dịch thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật trữ tình</td><td></td></tr> </table>	Tìm hiểu	Trả lời	Xuất xứ		Đề tài		Thể loại		Bố cục		So sánh với bản dịch thơ		Nhân vật trữ tình		I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Đặng Dung (? – 1414) - Quê: Huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). - Ông sống dưới triều nhà Hồ, lập nhiều chiến công lớn, trong đó có trận thắng Bô Cô hiển hách. + Năm 1414 khi thua trận, ông bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc. Ông đã tuân tiết trên đường đi. 2. Văn bản - Xuất xứ: + “Cảm hoài” là tác phẩm duy nhất còn lại của Đặng Dung. + Được đời sau ca tụng là “phi hào kiệt chi sĩ bất năng” (Không phải kẻ sĩ hào kiệt thì không làm nổi) (Lý Tử Tấn). - Đề tài: chí khí của người anh hùng trước vận nước. - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật - So sánh bản phiên âm và dịch thơ + Ở câu 1 từ “du du” bản dịch thơ dịch là “ngón ngang” là sát. “Du du” nghĩa là kéo dài mãi không dứt, không cùng: “ngón ngang” gợi sự bề bộn, làm cho khó tháo gỡ hoặc giải quyết. + Ở câu 2, cụm từ “nhập hàm ca” dịch là “cuộc say ca”, chưa thể hiện được điều không thích nhưng vẫn phải làm với mong muốn giải tỏa tâm trạng nhưng tâm trạng vẫn ngón ngang. + Ở câu 8, “gươm Long Tuyền” chưa được dịch hết ý. “Kì độ Long Tuyền đới nguyệt ma” không chỉ cho thấy vẻ đẹp lung linh tráng lệ của hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới trăng mà còn thấy được thanh gươm đang mài là gươm báu. - Nhân vật trữ tình: người tráng sĩ lỡ thời, thất
Tìm hiểu	Trả lời														
Xuất xứ															
Đề tài															
Thể loại															
Bố cục															
So sánh với bản dịch thơ															
Nhân vật trữ tình															
B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và điền thông tin vào phiếu học tập - Nhóm nào hoàn thành sớm sẽ được trình bày và lấy điểm. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời các nhóm HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV															

nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	thế
-------------------------------------	-----

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS vận dụng các tri thức ngữ văn để tìm hiểu theo đúng đặc trưng của thơ trên các phương diện như:

- + Hoàn cảnh và tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình.
- + Tình cảm cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài.
- + Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng)

b. Nội dung:

- Sử dụng SGK chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản “Cảm hoài”.
- HS làm việc cá nhân và kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ thông qua Phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản “Cảm hoài” qua Phiếu học tập 2,3,4.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm				
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bốn câu đầu B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phân công nhóm 1 thảo luận và hoàn thành <i>Phiếu học tập 2</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ HS chú ý thể chỉ dẫn và cươc chú để thực hiện nhiệm vụ: - Hình ảnh nào trong bốn câu thơ đầu đã gợi ra được hoàn cảnh – tình thế của nhân vật trữ tình? Hoàn cảnh – tình thế đó có đặc điểm gì? - Nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì khi đối diện với hoàn cảnh – tình thế đó? B3. Báo cáo thảo luận Đại diện nhóm 1 trình bày, nhóm 2,3 nhận xét và bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. GV mở rộng: Những nghịch lý này không chỉ được khái quát từ những "bi kịch lịch sử" của người xưa mà còn là thực tế "đầy máu và nước mắt" mà tác giả từng trải qua. Hai cha con Đặng Dung đều là những tướng lĩnh tài năng, quả cảm, tràn đầy nhiệt huyết cứu nước nhưng chẳng những nghiệp lớn không thành mà còn phải gánh chịu oan khuất (Năm 1408, Đặng Tất đánh tan 10 vạn quân Minh, giết 2 tướng giặc ở trận Bô Cô, chỉ còn Mộc Thạnh chạy thoát, cơ	II. Khám phá văn bản 1. Bốn câu đầu <i>Thế sự du du nại lão hà, Vô cùng thiên địa nhập hàm ca. Thời lai đồ điệu thành công dị, Vận khí anh hùng ảm hận đa.</i> (Thế sự ngồn ngang đã vội già Đất trời bất tận cuộc say ca Gặp thời đồ điệu công thành dễ Lỡ vận anh hùng hận xót xa) - Hoàn cảnh - tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình: + Thời gian: Quân Minh chiếm đóng Đại Việt (1407 – 1409). + Không gian: Đất nước loạn lạc, thế sự đảo điên trong sự bất lực. + Tình thế bi kịch của nhân vật trữ tình: . Nghệ thuật đối lập: <table border="1"> <tr> <td>"việc đời dang dở"</td><td>"mà ta đã già"</td></tr> <tr> <td>Sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề, những khó khăn, trở ngại chồng chất trong cuộc chiến chống giặc Minh, nghiệp lớn chưa thành,...</td><td>Sự hữu hạn của đời người; thời gian, sức lực đang dần cạn.</td></tr> </table> . Hiện thực éo le, đầy nghịch lý: lúc gặp thời thì kẻ tầm thường cũng dễ dàng gặt hái thành công, khi thất thế thì người anh hùng đành ôm tui hận. - Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình khi đối diện với hoàn cảnh bi kịch:	"việc đời dang dở"	"mà ta đã già"	Sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề, những khó khăn, trở ngại chồng chất trong cuộc chiến chống giặc Minh, nghiệp lớn chưa thành,...	Sự hữu hạn của đời người; thời gian, sức lực đang dần cạn.
"việc đời dang dở"	"mà ta đã già"				
Sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề, những khó khăn, trở ngại chồng chất trong cuộc chiến chống giặc Minh, nghiệp lớn chưa thành,...	Sự hữu hạn của đời người; thời gian, sức lực đang dần cạn.				

hội giành lại đất nước đã ở trong tầm tay. Vậy mà chỉ vì lời gièm pha của gian thần, Giản Định đã nghi kỵ, giết Đặng Tất. Khi theo giúp Trần Quý Khoáng, Đặng Dung cũng từng dùng kế mai phục đánh cho Trương Phụ đại bại, suýt bắt sống được hắn,...). Đó là nỗi đau của những người anh hùng vì lỡ vận mà nghiệp lớn không thành nên đành "nuốt hận".

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu bốn câu sau

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV phân công nhóm 2 thảo luận và hoàn thành **Phiếu học tập 3**

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Tìm hiểu hai câu luận: HS đọc kĩ các cước chú, kết nối với ngữ cảnh để giải thích ý nghĩa của các biểu tượng: *xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân*. HS nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình.

- Tìm hiểu hai câu kết: Phân tích ý nghĩa của hình ảnh người tráng sĩ mài gươm (*Chỉ ra các yếu tố tương phản trong câu thơ Thù nước chưa trả được, mà đầu đã bạc.*) Miêu tả sự tương phản đó, nhà thơ muốn bày tỏ điều gì? Hình ảnh người

+ Cảm xúc, suy nghĩ:

Câu hỏi "biết làm thế nào" trước việc đời dang dở, ngổn ngang và hình ảnh "Trời đất không cùng, thu cả vào cuộc say ca" thể hiện niềm bi phẫn và cảm giác bất lực của nhân vật trữ tình.

+ Cách giải quyết bi kịch: đắm mình trong cuộc rượu hát ca, hoà mình vào trời đất vô cùng.

- Quan hệ giữa con người và thời vận:

+ Nghệ thuật đối lập:

Gặp thời	Lỡ vận
Kẻ làm đồ tể, đi câu cũng dễ dàng lập được công danh	Bậc anh hùng cũng phải nuốt hận nhiều

+ Thời vận là yếu tố quyết định.

-> Bi kịch sâu sắc, mang tính phổ quát nhân sinh trong chiêm nghiệm của vị tướng già.

=> Bi kịch lỡ thời nhưng vẫn không thể nguôi quên nỗi đau mất nước và niềm khắc khoải về sứ mệnh cứu nước.

2. Bốn câu sau

Trí chủ hữu hoài phù địa trục,

Tẩy binh vô lộ văn thiên hà.

Quốc thù vị báo đầu tiên bạc,

Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

(Phò chúa đốc lòng nâng trục đất,

Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.

Quốc thù chưa trả đầu sao bạc,

Bao độ mài gươm ánh nguyệt tà.)

- Các biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ.

+ “Trí chủ” (phò vua): báo đáp ơn vua.

+ “Phù địa trục” (nâng trục đất): nâng đỡ giang sơn đang nghiêng đổ.

+ “tẩy binh” (rửa binh): chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình.

+ “kéo sông Ngân”: kéo sông Ngân xuống

- Nghệ thuật đối:

+ Giúp chúa – đỡ trục đất -> xoay chuyển tình thế của dân tộc

+ Rửa vũ khí, kéo sông Ngân xuống -> lập lại hòa bình cho dân tộc

-> Thể hiện khát vọng lớn lao, mãnh liệt của người anh hùng: đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyền đất nước; chấm dứt chiến tranh, mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân. Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phẫn khi nghiệp lớn không thành.

GV nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

- Phong cách cổ điển được thể hiện ở các yếu tố nghệ thuật: thể thơ (Đường luật), bối cảnh không gian vũ trụ, hình ảnh thơ mang tính quy phạm (biểu *tượng xoay trục đất, rửa giáp binh*; điển tích: người hàng thịt, kẻ đi câu, gươm Long Tuyền,...); giọng điệu, âm hưởng bi hùng,....

d. Tổ chức thực hiện:

48

	gợi, nhiều điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích, giàu dư âm, góp phần quan trọng thể hiện nỗi lòng của nhân vật trữ tình. - Bài thơ mang đậm phong cách cổ điển.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu	Trả lời
Xuất xứ	
Đề tài	
Thể loại	
Bố cục	
So sánh với bản dịch thơ	
Nhân vật trữ tình	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Tìm hiểu bốn câu đầu)

Yếu tố	Biểu hiện (hình ảnh biểu tượng, biện pháp tu từ)	Ý nghĩa
Hoàn cảnh (thời gian, không gian)	- Từ ngữ: - Hình ảnh:	
Tình thế bi kịch của NVTT	- Từ ngữ: - Hình ảnh: - Biện pháp nghệ thuật:	
Cảm xúc, suy nghĩ của NVTT	- Biện pháp nghệ thuật: - Điển cố, điển tích:	

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3

(Tìm hiểu bốn câu sau)

Yếu tố	Biểu hiện (hình ảnh biểu tượng, biện pháp tu từ)	Ý nghĩa
Nỗi lòng của nhân vật trữ tình	- Biểu tượng: - Biện pháp nghệ thuật: - Điển cố:	
Hình ảnh người tráng sĩ	- Biểu tượng - Yếu tố tương phản:	

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 4

(Tìm hiểu về phong cách thơ cổ điển trong bài thơ)

Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò
Về nội dung	- Đề tài: - Cảm hứng:	
Về nghệ thuật	- Thể loại: - Bối cảnh không gian: - Hình ảnh thơ: - Điển cố, điển tích:	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- củng cố kiến thức bài học và rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn.
- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

b. Nội dung: HS sử dụng tri thức Ngữ văn về biểu tượng; kiến thức bài học để phân tích một

biểu tượng mà mình cho là đặc sắc trong bài thơ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn do học sinh viết

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng bạn cho là đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân: tìm và phân tích một biểu tượng đặc sắc. - HS viết đoạn văn khoảng 150 chữ B3. Báo cáo nhiệm vụ Một số học sinh đọc bài viết của mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV hướng dẫn HS cách tự đánh giá bài viết của bạn và mình (Phiếu rubrics). GV nhận xét.	Bài viết của học sinh: Đoạn văn khoảng 150 chữ. Tham khảo gợi ý sau: - Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ - Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng <i>xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân</i> gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu tượng người tráng sĩ đầu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả. - Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS liên hệ thực tế đời sống, qua đó xác định được lí tưởng cho bản thân.

b. Nội dung: HS thể hiện nhận thức về vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ: Ở hai câu luận của bài thơ, chúng ta đã được tìm hiểu vai trò quan trọng của thời vận trong sự thành công của người anh hùng nói riêng, trong đời sống của mỗi con người nói chung. Vậy em sẽ làm gì khi đứng trước thời vận của chính mình. Theo em, thời vận có phải là tất cả? Nếu không phải là tất cả, khi còn là một học sinh, ngồi trên ghế nhà trường chúng ta phải làm gì?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo cặp

B3. Báo cáo thảo luận

GV mời một số HS trả lời.

HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện lại vấn đề.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các cá nhân và định hướng.

4. Củng cố:

- Vẻ đẹp bi tráng của người anh hùng lỡ vận.

- Một số biểu tượng đặc sắc của văn bản

5. HDVN:

- Tìm đọc một số bài thơ đặc sắc viết về tình yêu Tổ quốc trong thơ văn Lí – Trần.

- Soạn bài: *Tây Tiến* (Quang Dũng) trang 44.

